



**VỮNG THƯƠNG HIỆU
BỀN NIỀM TIN**

MỤC LỤC

05 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

08

Thông tin chung

- 08 Thông tin khái quát
- 09 Quá trình hình thành và phát triển
- 13 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 14 Sơ đồ tổ chức
- 15 Cơ cấu tổ chức
- 16 Định hướng phát triển
- 18 Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

20

Tình hình hoạt động

- 22 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 25 Hội đồng quản trị
- 27 Ban Kiểm soát
- 28 Ban Tổng Giám đốc
- 30 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn
- 32 Tình hình tài chính
- 34 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

36

Báo cáo Ban Tổng Giám đốc

42

Đánh giá Hội đồng quản trị

46

Quản trị Công ty

- 48 Hội đồng quản trị
- 52 Ban Kiểm soát
- 54 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ, BKS

56

Báo cáo phát triển bền vững

60

Báo cáo tài chính

- 62 Thông tin về Công ty
- 64 Báo cáo của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc
- 65 Báo cáo Kiểm toán độc lập
- 67 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 70 Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
- 71 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 73 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

“ BHS luôn ý thức được việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, vừa là đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội, nâng cao hình ảnh và vị thế của doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp vừa là củng cố khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập. ”

Kính thưa Quý cổ đông,

Niên độ 2014 - 2015 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức, thị trường còn nhiều biến động bất lợi, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (BHS) đã phần đầu vượt qua khó khăn để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, trong đó chỉ tiêu lợi nhuận vượt mức Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

Cụ thể, mùa vụ 2014 - 2015 Công ty đã sản xuất được tổng số 181.156 tấn đường thành phẩm các loại, vượt 5,3% so với kế hoạch, tương đương với 9.186 tấn đường thành phẩm tăng thêm. Sản lượng tiêu thụ đạt 214.010 tấn, doanh thu thuần đạt 2.981 tỷ đồng, vượt 17% kế hoạch doanh thu, tương đương vượt 439 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 125 tỷ đồng, vượt 32% kế hoạch, tương đương vượt 30 tỷ đồng. Đạt được kết quả nêu trên là do Công ty luôn bám sát mục tiêu Đại hội cổ đông đề ra, đồng thời chủ động tìm giải pháp ứng phó với những thay đổi của thị trường và tiếp tục tập trung cho công tác đầu tư vào vùng nguyên liệu mía, cải thiện năng suất, hiệu quả canh tác, giảm giá thành sản xuất và củng cố, mở rộng thị phần kinh doanh.

Bên cạnh đó, BHS luôn ý thức được việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, vừa là đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội, nâng cao hình ảnh và vị thế của doanh nghiệp trong cộng đồng doanh nghiệp vừa là củng cố khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập, trong năm Công ty tiếp tục triển khai các hoạt động và chương trình nhằm mang lại các giá trị gia tăng cho các bên liên quan: Khách hàng đối tác – Cán bộ nhân viên – Nhà đầu tư – Xã hội và Cộng đồng. Nổi bật trong niên độ 2014 - 2015 có thể kể đến là các chương trình: Đầu tư nâng cấp các hạng mục xử lý môi trường, hỗ trợ quà tặng cho trẻ em mồ côi trong chương trình Chắp cánh ước mơ, hiến máu tình nguyện, xây dựng nhà tình thương, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam Anh hùng, cải thiện bếp ăn tập thể cho cán bộ nhân viên...

Bước sang niên độ mới 2015 - 2016, với những tín hiệu khả quan từ các chính sách của nhà nước đối với ngành đường như: Bộ Công Thương đã điều chỉnh về chính sách tạm nhập tái xuất đường, các chính sách của các bộ, ngành liên quan khác nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất trong nước đẩy mạnh tiêu thụ, sự ổn định của luật định cũng như sự chuẩn bị kỹ càng về các nguồn lực, sẵn sàng ứng phó với những biến động của thị trường, BHS tiếp tục đặt ra các mục tiêu phù hợp và thách thức đảm bảo nâng cao vị thế và đặc biệt là duy trì thương hiệu sản phẩm BHS trên thị trường: Tiếp tục giữ vững và gia tăng vùng nguyên liệu, đầu tư hệ thống máy móc nâng cao chất lượng sản phẩm, áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến, tập trung củng cố hệ thống phân phối hiện tại; đồng thời Công ty tập trung đầu tư cho việc mở rộng kênh phân phối bán lẻ thị trường miền Bắc và miền Trung, hoàn tất việc sáp nhập với Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa để nâng cao lợi thế cạnh tranh...

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, tôi chân thành cảm ơn quý cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt thời gian qua.

Tôi tin tưởng rằng với những nỗ lực cao nhất của tất cả chúng ta, BHS sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu niên độ 2015 - 2016 và hướng tới các mục tiêu chiến lược trong các năm tới.

Kính chúc quý vị sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

TM. Hội đồng quản trị

Chủ tịch



NGUYỄN THỊ HOA



Gần **50 năm** hình thành
sứ mệnh Công ty
là kiến tạo những



và phát triển,
Cổ phần Đường Biên Hòa
sản phẩm đường sạch
vì **sức khỏe** cộng đồng

Thông tin khái quát

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
số 3600495818 do Sở kế hoạch và đầu tư
tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 16/05/2001,
thay đổi lần thứ 14 vào ngày 21/01/2015.

Vốn điều lệ: 629.949.180.000 đồng

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình,
thành phố Biên Hòa, Đồng Nai.

Số điện thoại: 061.3836.199 | **Số fax:** 061.3836.213

Website: www.bhs.vn

Mã cổ phiếu: BHS

1969



Nhà máy Đường Biên Hòa ra đời với công suất 400 tấn/ngày. Sản phẩm chính lúc bấy giờ là đường ngà, rượu mùi và bao đay.

1971



Đầu tư nâng cấp thành Nhà máy đường tinh luyện.

1994



Nhà máy Đường Biên Hòa đổi tên thành Công ty CP Đường Biên Hòa.

1995



Nâng công suất nhà máy đường luyện Biên Hòa từ 200 tấn/ngày lên 300 tấn/ngày. Đồng thời, khởi công xây dựng Nhà máy đường Tây Ninh.

1997



Thành lập nông trại mía Thành Long với diện tích 960 ha.

Từ năm 2007 đến 2012, Đại hội đồng cổ đông quyết định:

Chia cổ tức đợt cuối năm 2006 mức 4% vốn điều lệ bằng cổ phiếu.

Chia cổ tức cuối năm 2007 mức 10% vốn điều lệ bằng cổ phiếu.

Năm 2011, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 61,88%.

Năm 2012, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động với giá trị phát hành 14.998.790.000 đồng.

Qua 4 lần tăng vốn điều lệ trên, vốn điều lệ của Công ty đạt 314.974.590.000 đồng.

Quá trình hình thành và phát triển

Đường Biên Hòa với hơn 46 năm kinh nghiệm sản xuất đường tinh khiết, tin rằng những gì tốt cho sức khỏe chỉ có thể đến từ thiên nhiên. Chúng tôi tự hào ghi nhận “100% mía đường tinh khiết” trên tất cả các dòng sản phẩm của mình.

Mỗi sản phẩm là bảo chứng cho nỗ lực của chúng tôi để đem đến khách hàng các sản phẩm đường tinh khiết và tự nhiên, được sản xuất từ giống mía tốt nhất và công nghệ an toàn nhất, giúp bạn tự tin chế biến các món ăn hương vị thơm ngon và tốt cho sức khỏe.

1998



Nhà máy đường Tây Ninh (nay là nhà máy đường Biên Hòa – Tây Ninh) chính thức đi vào hoạt động với công suất chế biến là 2.500 tấn mía/ngày.

2001



Nhà máy đường Tây Ninh nâng công suất lên 3.500 tấn mía/ngày. Đến nay, công suất của Nhà máy đạt 4.000 tấn mía/ngày.

Năm 2001, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần. Ngày 16/5/2001, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ra đời với vốn điều lệ ban đầu là 81 tỷ đồng.

2006



Công ty phát hành bổ sung cổ phần để huy động vốn. Vốn điều lệ từ 81 tỷ đồng lên 162 tỷ đồng. Ngày 20/12/2006, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM với mã chứng khoán BHS.

2007



Công ty mua lại Công ty Mía đường Trị An thành lập Nhà máy đường Biên Hòa – Trị An. Qua nhiều lần nâng cấp, hoàn thiện thiết bị, nay công suất nhà máy đường Biên Hòa – Trị An đạt 2.500 tấn mía/ngày.

2013



Ngày 09/9/2013, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 42/GCN-UBCK cho Công ty. Theo đó, Công ty đã phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 314.974.590.000 đồng lên 629.949.180.000 đồng như hiện nay.





Bạn quan tâm **khỏe và đẹp?**
Chúng tôi có Biên Hòa Light



Đường ăn kiêng Isomalt giảm nguy cơ mắc bệnh tiểu đường, ngăn chặn béo phì, có lợi cho sức khỏe, tăng sức đề kháng cho người sử dụng.





Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Sản xuất và bán buôn thực phẩm khác có sử dụng đường, sản phẩm từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành mía đường;
- Sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng thiết bị ngành mía đường;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường;
- Dịch vụ ăn uống;
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại;
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

Các chi nhánh của Công ty

Nhà máy Đường

Biên Hòa – Tây Ninh

Địa chỉ: ấp Tân Phước, xã Tân Bình, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
 Điện thoại: 0663 821 995
 Fax: 0663 823 602

Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An

Địa chỉ: Ấp 1, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
 Điện thoại: 0613 929 725
 Fax: 0613 929 724

Chi nhánh Nông trường

Biên Hòa – Thành Long

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
 Điện thoại: 0663 783 107
 Fax: 0663 710 716

Văn phòng Đại diện

tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 62 Trần Huy Liệu, phường 12, quận Phú Nhuận, TP. HCM
 Điện thoại: 083.842 3372
 Fax: 083.844 4558

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: 120 Ông Ích Khiêm, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
 Điện thoại: 0511 744622
 Fax: 0511 744623

Các công ty con của Công ty

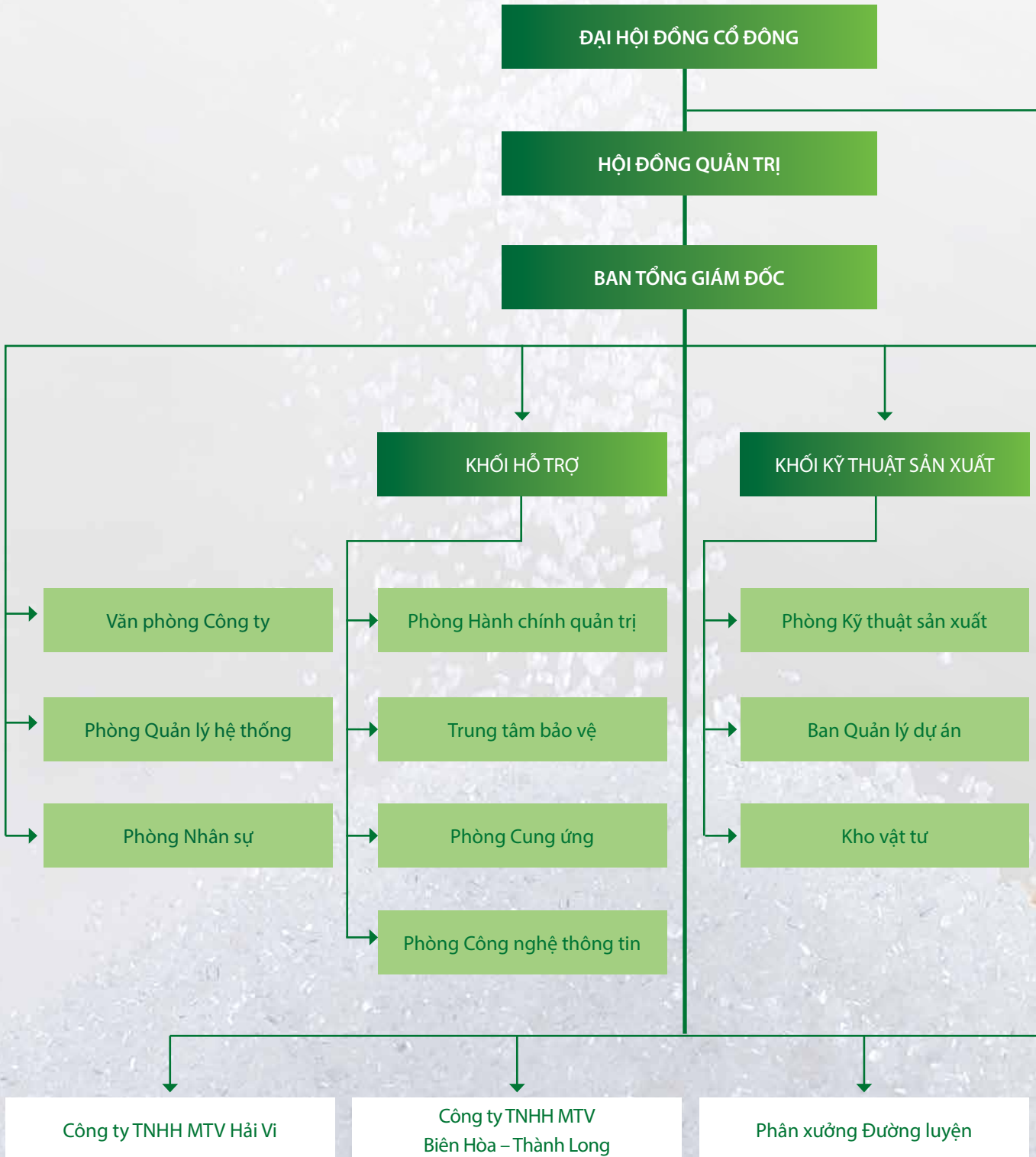
Công ty TNHH MTV Hải Vi

Địa chỉ: ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
 Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía
 Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng
 Tỷ lệ sở hữu: 100%

Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Thành Long

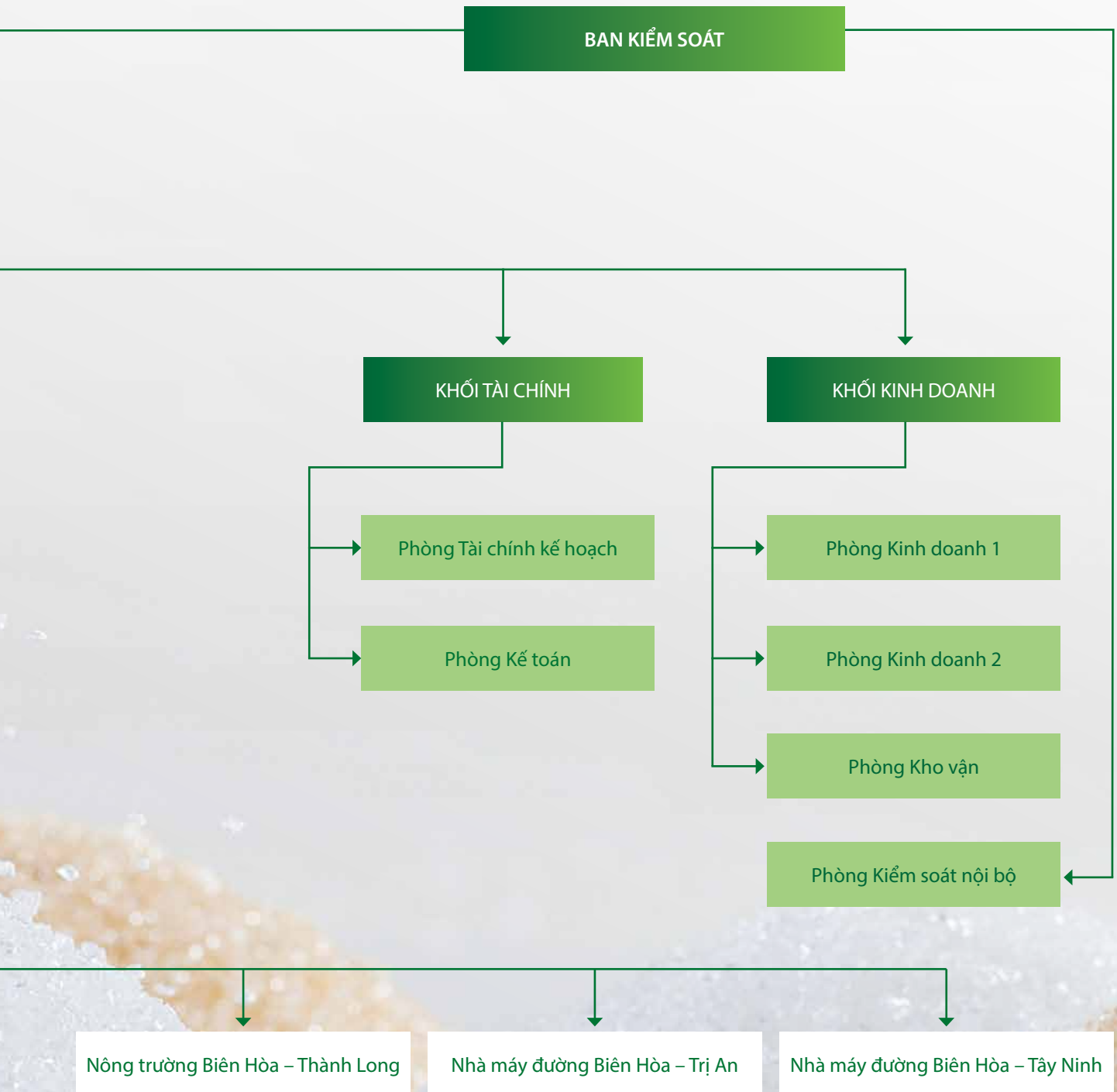
Địa chỉ: ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
 Chưa hoạt động

Sơ đồ tổ chức



Cơ cấu tổ chức

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Các khối:
 - Kinh doanh, Tài chính,
 - Kỹ thuật sản xuất, Hỗ trợ
- Đơn vị sản xuất:
 - Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh,
 - Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An,
 - Nông trường Biên Hòa – Thành Long,
 - Phân xưởng đường luyện
- Phòng ban chức năng: 16
- Công ty con: 2



Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Giữ vững vai trò thương hiệu đường hàng đầu Việt Nam, cung cấp các sản phẩm tốt cho sức khỏe và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng, tạo tiền đề để tiếp tục phát triển sang các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Là đối tác tin cậy, đồng hành cùng nông dân để phát triển cây mía, góp phần xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội.

Sứ mệnh

Cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Tối đa hóa giá trị gia tăng cho cổ đông.

Bảo đảm môi trường làm việc, cơ hội cho mọi nhân viên có thể phát huy hết khả năng làm việc, nâng cao thu nhập và thăng tiến trong công việc.



Chiến lược phát triển Công ty đến năm 2020

- Tập trung nguồn lực vào lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh đường.
- Đầu tư mở rộng để khai thác thêm các sản phẩm thuộc chuỗi giá trị ngành đường như các sản phẩm cạnh đường, sản phẩm sau đường và các sản phẩm mới như đường vi chất, đường vàng nguyên chất...
- Tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu để đảm bảo sự phát triển bền vững và lâu dài.
- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực của hệ thống phân phối, khai thác và phát huy tối đa thế mạnh của thương hiệu Đường Biên Hòa.
- Tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu.



Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

“ Nhờ khả năng dự báo tốt, tính linh hoạt trong quản trị và mối quan hệ chặt chẽ với các định chế tài chính nên rủi ro kinh tế ảnh hưởng đến Công ty ít hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành. ”

RỦI RO KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người có ảnh hưởng đến việc tiêu thụ các sản phẩm tiêu dùng nói chung. Đối với Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, sản phẩm chính của Công ty là mặt hàng thiết yếu, được sử dụng nhiều trong các lĩnh vực: chế biến thực phẩm, nước giải khát, dược phẩm,... Công ty đã thiết lập được cơ sở khách hàng khá vững chắc gồm các doanh nghiệp hàng đầu trong các ngành chế biến thực phẩm, nước giải khát như: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa, Công ty Pepsico Việt Nam, Công ty TNHH URC Việt Nam, Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam,... nên đầu ra của Công ty trong thời gian qua ít bị ảnh hưởng khi nền kinh tế giảm đà tăng trưởng.

Ngoài ra, nhờ khả năng dự báo tốt, tính linh hoạt trong quản trị và mối quan hệ chặt chẽ với các định chế tài chính nên rủi ro kinh tế ảnh hưởng đến Công ty ít hơn so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

RỦI RO LUẬT PHÁP

Hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật An toàn thực phẩm. Hệ thống Luật Việt Nam đang trong quá trình điều chỉnh ngày càng hoàn thiện hơn nên tính ổn định chưa cao. Điều này dễ gây ra rủi ro cho các doanh nghiệp trong quá trình thực thi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX). Do vậy, hoạt động của Công ty còn chịu sự chi phối bởi Luật chứng khoán và các quy định của HSX.

Để đảm bảo mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo pháp luật, Công ty đã thành lập bộ phận Pháp chế. Bộ phận này luôn cập nhật các văn bản pháp luật, tư vấn cho Ban điều hành các vấn đề có liên quan và hỗ trợ phòng Nhân sự trong công tác tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật nhằm nâng cao tính tuân thủ các nội quy Công ty cũng như pháp luật.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu, chủ yếu là mía nguyên liệu, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 60% đến 70%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Hiện tại, vùng nguyên liệu trồng mía của Việt Nam quy mô nhỏ, phân tán, chưa được đầu tư tương xứng theo hướng công nghiệp hóa và chịu tác động rủi ro rất lớn bởi thời tiết như hạn hán, bão lụt, công tác thu hoạch chưa được chú trọng đúng mức,... Do đó, năng suất mía thấp, chi phí cao dẫn đến giá thành nguyên liệu cao, sản lượng và diện tích hàng năm không ổn định.

Rủi ro về đầu tư vùng nguyên liệu

Phát triển vùng nguyên liệu mía là yếu tố sống còn đối với Công ty đường. Do vậy, từ nhiều năm nay, Đường Biên Hòa luôn chú trọng việc đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía, xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống tưới tiêu, hợp tác với nông dân qua các hợp đồng hỗ trợ giống, đầu tư vốn cho nông dân,...

Trong quá trình hợp tác và hỗ trợ nông dân phát triển vùng nguyên liệu, Công ty đối mặt với rủi ro phát sinh như: bị chiếm dụng vốn, nông dân mất khả năng thanh toán.

Rủi ro về chính sách bảo hộ

Ngành đường là một trong những ngành được bảo hộ của Chính phủ bằng thuế và hạn ngạch nhập khẩu. Tuy nhiên, những cam kết bảo hộ dần được dỡ bỏ từ năm 2015. Cụ thể: theo cam kết hội nhập WTO và AFTA của Việt Nam, kể từ năm 2018, đường từ các nước trong khối ASEAN sẽ không còn bị hạn chế nhập khẩu vào Việt Nam, đồng thời thuế suất nhập khẩu giảm xuống còn 5%. Đây là một áp lực lớn đối với ngành đường trong nước khi cạnh tranh với các doanh nghiệp đường trong khu vực, nhất là từ các nước Thái Lan, Campuchia, Lào do giá thành sản xuất của hầu hết các doanh nghiệp trong nước đều cao.

Rủi ro biến động tỷ giá hối đoái

Từ ngày 19/6/2014, tỷ giá bình quân liên ngân hàng tăng lên 1%, từ 21.036 đồng lên 21.246 đồng. Từ đầu năm 2015 đến nay, NHNN đã điều chỉnh tăng tỷ giá 2 lần, từ 21.246 đồng lên 21.458 đồng và kể từ ngày 07/5/2015 áp dụng tỷ giá là 21.673 VND/USD. Tỷ

giá tăng gây bất lợi cho các doanh nghiệp phải nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị,... từ nước ngoài.

Đối với các giao dịch phải sử dụng ngoại tệ, Công ty mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để giảm thiểu rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái trong ngắn hạn. Vì vậy, biến động của tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Do đặc thù của hoạt động sản xuất kinh doanh đường, các công ty cần khá nhiều vốn để đầu tư cho nông dân, thu mua mía nguyên liệu khi vào vụ, đầu tư mới hoặc nâng cấp máy móc thiết bị,... Bên cạnh vốn chủ sở hữu thì vốn vay từ ngân hàng là nguồn tài trợ chủ yếu. Vì vậy, lãi vay có tác động không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Với uy tín của một doanh nghiệp lớn trong ngành đường, Công ty luôn có lịch sử vay và trả nợ tốt nên mối quan hệ của Công ty với các định chế tài chính rất tốt, chính vì vậy, tác động của rủi ro lãi suất không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.





Bạn cần **đinh dưỡng?** Chúng tôi đem đến Biên Hòa Pro



Đường phèn: vị ngọt thanh

Đường nâu: hương vị đậm đà của mật mía tự nhiên,
chứa nhiều khoáng chất, cung cấp các vi dưỡng chất cần thiết cho cơ thể

Đường Baking: mỗi chiếc bánh sẽ có vị mềm, thơm ngon hơn.



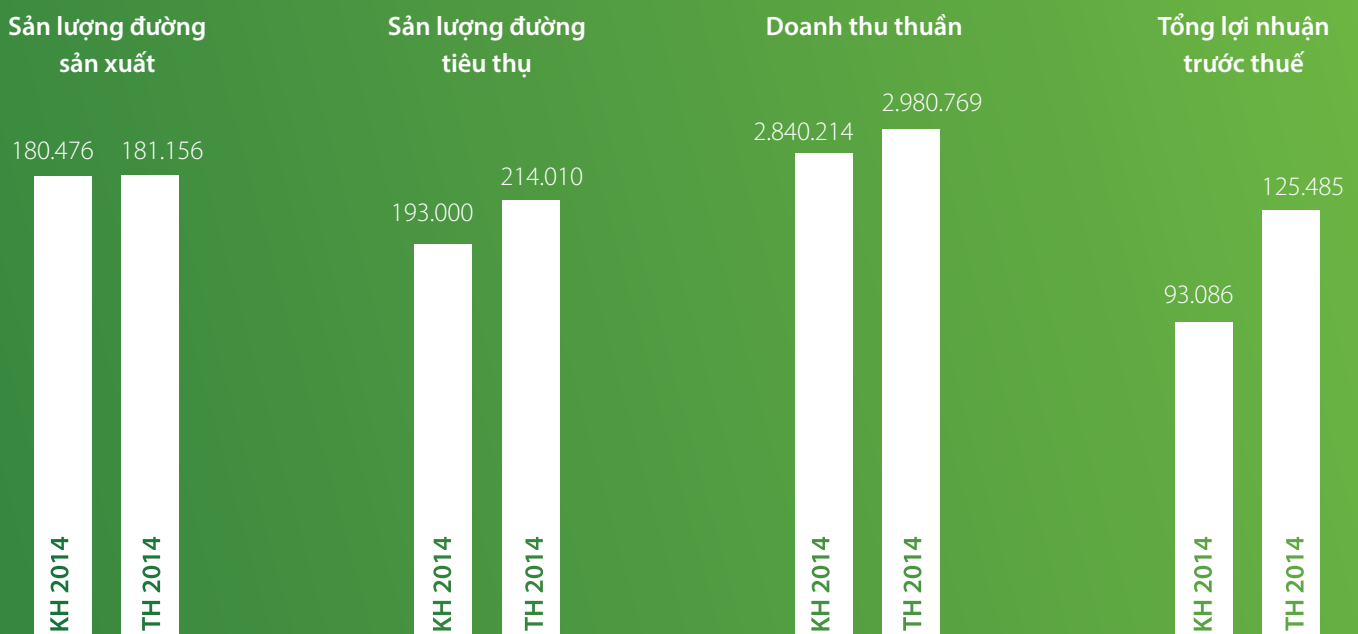
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	NỘI DUNG	ĐVT	TH	KH	TH	SO VỚI CÙNG KỲ	TH/KH
			2013/2014	2014/2015	2014/2015		
1	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	182.927	180.476	181.156	99%	105%
2	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	172.027	193.000	214.010	124%	118%
3	Doanh thu thuần	Tr.đ	2.961.808	2.840.214	2.980.769	101%	117%
4	Giá vốn hàng bán	Tr.đ	2.657.802	2.504.873	2.636.738	99%	119%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	100.662	93.086	125.485	125%	132%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	78.103	72.067	97.940	125%	131%

Trong niên độ 2014 - 2015, về cơ bản Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, cụ thể:

- Về sản xuất: toàn Công ty sản xuất được 181.156 tấn đường, vượt 5% so với kế hoạch đề ra 171.970 tấn và đạt 99% so với cùng kỳ.
- Về tiêu thụ: tổng sản lượng tiêu thụ niên độ 2014 - 2015 là 214.010 tấn đường (trong đó có 36.051 tấn đường Ninh Hòa), vượt 18% kế hoạch đề ra và vượt 24% sản lượng tiêu thụ cùng kỳ.
- Các chỉ tiêu về doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế đều vượt kế hoạch đề ra lần lượt là 17%, 32% và 31% và vượt so với cùng kỳ là 1%, 25% và 25%. Kết quả này cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong niên độ 2014 - 2015 có những chuyển biến rất tích cực so với cùng kỳ và những nỗ lực của tập thể để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch.

Biểu đồ hoạt động sản xuất kinh doanh theo niên độ KH 2014-2015 và TH 2014-2015



*Không ngừng đầu tư công nghệ sản xuất
để đảm bảo chất lượng
cho các sản phẩm Đường Biên Hòa.*

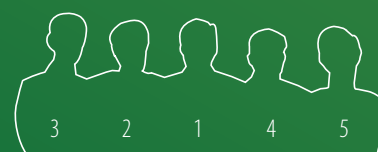






Hội đồng quản trị

1. Bà **Nguyễn Thị Hoa**
Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Bà **Trần Quế Trang**
Thành viên Hội đồng quản trị
3. Ông **Lê Ngọc Thông**
Thành viên Hội đồng quản trị
4. Ông **Lê Văn Dĩnh**
Thành viên Hội đồng quản trị
5. Ông **Phạm Hồng Dương**
Thành viên Hội đồng quản trị





Ban Kiểm soát

1. Ông **Phạm Trung Kiên**
Trưởng Ban Kiểm soát
2. Ông **Lê Văn Hòa**
Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ông **Lê Quốc Phong**
Thành viên Ban Kiểm soát



Ban Tổng Giám đốc



Bà Trần Quế Trang
Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang sinh ngày 08/8/1980 tại Bạc Liêu. Bà đã từng giữ các chức vụ quan trọng tại các Công ty lớn như: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); Phó Tổng giám đốc Công ty CP đầu tư Thành Thành Công; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. Từ 06/3/2015 đến nay Bà đảm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa. Đồng thời từ tháng 06/2015 đến nay Bà còn là Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa.



Ông Trần Quốc Thảo
Phó Tổng Giám đốc tài chính

Ông Trần Quốc Thảo sinh ngày 24/4/1979 tại Đồng Nai. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng tại các Công ty: Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh, Giám đốc Khối KD&HT Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa, Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Mía đường Phan Rang. Từ tháng 05/2015 đến nay Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đường Biên Hòa.



Ông Lê Ngọc Thông
Phó Tổng Giám đốc kinh doanh

Ông Lê Ngọc Thông sinh ngày 20/10/1972 tại TP. Hồ Chí Minh. Ông từng là Giám đốc kinh doanh và Tiếp thị Tập đoàn Unilever; Giám đốc kinh doanh tiếp thị Tập đoàn Kinh thời trang Ánh Rạng; Giám đốc ngành hàng Tập đoàn Phú Thái; Giám đốc thương mại công ty CP Đặng Thành và công ty CP Bao bì Tiền Giang; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Du lịch Thắng Lợi. Từ tháng 10/2014 đến nay: Phó TGD phụ trách khối Kinh Doanh Công ty CP Đường Biên Hòa và là Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa.



Ông Nguyễn Thành Khiêm
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật sản xuất

Ông Nguyễn Thành Khiêm sinh ngày 24/5/1968 tại Tây Ninh. Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh: Phó Giám đốc – Phụ trách Công nghệ và dự án phát triển khối Nhà máy; Giám đốc khối Nhà máy; Phó TGD phụ trách khối Kỹ thuật Sản xuất. Từ 01/2015 đến nay Ông là Phó TGD phụ trách khối Kỹ thuật Sản xuất Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.



Ông Nguyễn Quốc Việt
Phó Tổng Giám đốc
NMD Biên Hòa – Tây Ninh
kiêm NMD Biên Hòa – Trị An

Ông Nguyễn Quốc Việt sinh ngày 27/03/1977 tại Vĩnh Long. Ông từng đảm nhiệm các chức vụ quan trọng như: Giám đốc khối Hỗ trợ Công ty CP Bourbon Tây Ninh, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giao dịch hàng hóa Sơn Tín, Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty CP Mía đường Phan Rang, Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa phụ trách nhà máy Biên Hòa – Tây Ninh; từ tháng 3/2015 Ông là Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Biên Hòa phụ trách nhà máy Biên Hòa – Trị An và nhà máy Biên Hòa – Tây Ninh.



Ông Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng

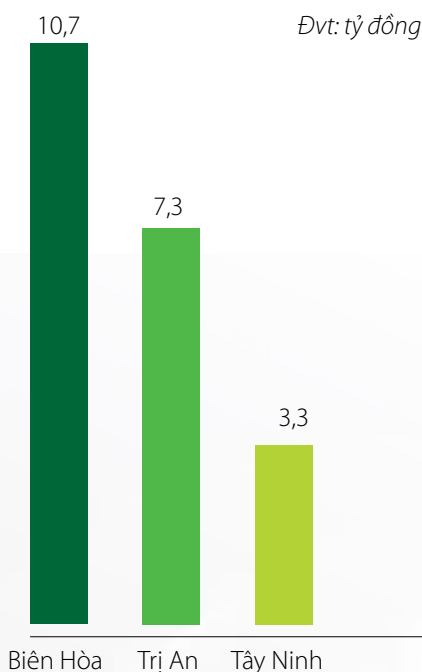
Ông Nguyễn Minh Tín sinh ngày 16/8/1980 tại Đồng Nai. Ông có kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán – kiểm toán tại các Công ty: Công ty CP Cà phê Hòa tan Trung Nguyên; Công ty CP DV Phong Cách Sống Mới; Công ty CP Tập đoàn Trung Nguyên; Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công. Từ 2014 đến nay ông đảm nhiệm chức danh Phó phòng Kế toán và Kế toán trưởng Công ty CP Đường Biên Hòa.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

NHỮNG DỰ ÁN TRỌNG TÂM ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NIÊN ĐỘ 2014 - 2015

Trong niên độ 2014 - 2015, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã triển khai thực hiện một số dự án trọng tâm với mục tiêu giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường:

- Tại Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đã đầu tư xây lắp mới 01 lò hơi đốt than công suất 25 tấn/giờ. Công trình đã hoàn thành và được đưa vào sử dụng cho thấy hiệu quả của việc đầu tư đúng hướng, đạt mục tiêu giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm giá thành sản xuất. Tổng mức đầu tư của dự án 37 tỷ đồng.
- Các dự án đầu tư hệ thống kho bãi tại Công ty cũng đã hoàn thành với diện tích kho chứa tăng thêm 18.000 m². Với diện tích kho chứa tăng thêm đáp ứng yêu cầu tồn trữ nguyên liệu và chứa đường thành phẩm của Công ty. Điều này giúp Công ty chủ động trong công tác điều hành sản xuất và kinh doanh. Tổng mức đầu tư của các dự án 27,5 tỷ đồng.
- Nông trường Biên Hòa Thành Long được định hướng phát triển thành Nông trường kiểu mẫu theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, năng suất mía bình quân 90 tấn/ha, cơ giới hóa công tác thu hoạch. Dự án tưới mía giai đoạn 1 tại Nông trường Thành Long được đầu tư với Công nghệ tưới hiện đại "Center Pivot" đã đi vào hoạt động tưới được 230 ha/1.000 ha hiện có của Nông trường. Kết quả đạt được bước đầu cho thấy năng suất mía có khả năng đạt như mục tiêu. Tổng mức đầu tư của dự án 10 tỷ đồng.
- Bên cạnh đó Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư lắp đặt mới thiết bị, cải tiến công nghệ tại các nhà máy để ổn định dây chuyền sản xuất: chất lượng, công suất; tạo ra nhiều chủng loại sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường. Chi phí đầu tư tại các nhà máy:



Biên Hòa: 10,7 tỷ đồng

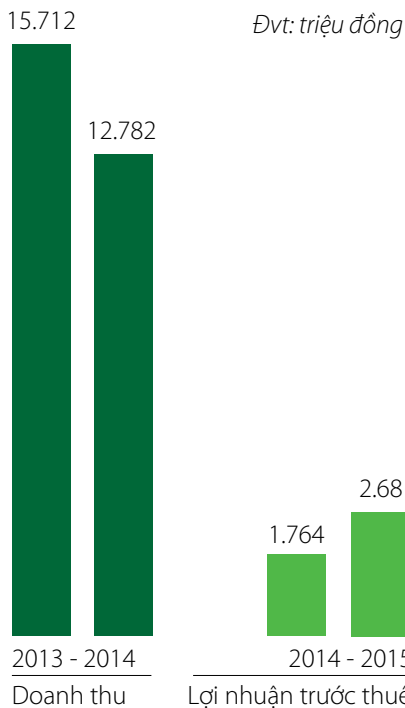
Trị An: 7,3 tỷ đồng

Tây Ninh: 3,3 tỷ đồng

NHỮNG DỰ ÁN DỰ KIẾN TIẾP TỤC TRIỂN KHAI VÀ HOÀN THÀNH NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

Nhận thấy hiệu quả của việc áp dụng công nghệ tưới mới trong giai đoạn 1 tại Nông trường Thành Long mang lại, trong niên độ 2015 - 2016, Công ty tiếp tục triển khai giai đoạn 2 cũng bằng công nghệ Center Pivot với mục tiêu tưới 310 ha. Như vậy, việc đầu tư này sẽ nâng tổng diện tích mía được tưới theo công nghệ tiên tiến tại Nông trường Thành Long đạt 540 ha, chiếm trên 50% diện tích hiện có của Nông trường.

Tổng mức đầu tư của dự án là 21,6 tỷ đồng. Dự kiến đầu năm 2016 hệ thống sẽ đi vào hoạt động tưới mía cho vụ Đông Xuân.



Tất cả diện tích mía còn lại của Nông trường cũng sẽ được tưới theo công nghệ "Raingun" hay "Béc phun" với tổng mức đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng.

Công tác phòng vệ thực phẩm tại Công ty được đánh giá cao. Công ty đã và đang triển khai thực hiện dự án "Phòng vệ thực phẩm" với mục tiêu hướng đến thương hiệu "Đường Biên Hòa" luôn là một thương hiệu uy tín với các sản phẩm tốt, an toàn và chất lượng. Dự án có tổng mức đầu tư 1 tỷ đồng.

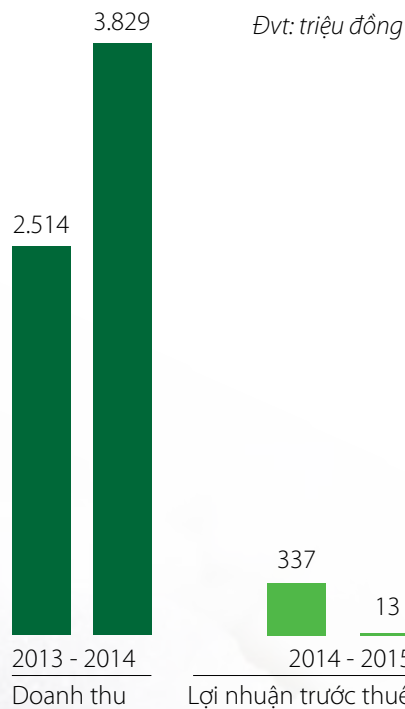
CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Hải Vi

- Địa chỉ: ấp Thành Tân, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp
- Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 100%
- Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Niên độ 2014 - 2015	Niên độ 2013 - 2014
Doanh thu	12.782	15.712
Lợi nhuận trước thuế	2.681	1.764



Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Thành Long

- Địa chỉ: ấp Nam Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp
- Chưa hoạt động

Công ty CP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công

- Địa chỉ: 99 Bình Hòa, Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Trồng mía, sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 24%
- Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Niên độ 2014 - 2015	Niên độ 2013 - 2014
Doanh thu	3.829	2.514
Lợi nhuận trước thuế	13	337

Tình hình tài chính

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	01/7/2013 đến 30/6/2014	01/01/2014 đến 30/6/2014	01/7/2014 đến 30/6/2015	Tăng (giảm) so với cùng kỳ
Tổng giá trị tài sản	2.330.041	2.330.041	2.437.512	4,6%
Doanh thu thuần	2.961.808	1.258.459	2.980.769	0,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	99.435	56.462	122.136	22,8%
Lợi nhuận khác	1.227	756	3.349	172,9%
Lợi nhuận trước thuế	100.662	57.218	125.485	24,7%
Lợi nhuận sau thuế	78.104	44.318	97.940	25,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	-	10%	-

*Phát huy nền tảng nội lực,
khẳng định thương hiệu sản phẩm mạnh
với chất lượng tối ưu
và chinh phục thị trường.*



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	01/7/2013 đến 30/6/2014	01/01/2014 đến 30/6/2014	01/7/2014 đến 30/6/2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,1	1,1	1,1
Hệ số thanh toán nhanh	0,5	0,5	0,6
Hệ số thanh toán bằng tiền	0,1	0,1	0,0
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,6	0,6	0,6
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,7	1,7	1,7
Hệ số nợ ngắn hạn/vốn chủ sở hữu	1,6	1,6	1,6
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	2,7	1,9	3,4
Vòng quay tổng tài sản	1,3	0,6	1,2
Vòng quay khoản phải thu khách hàng	14,5	5,1	9,0
Vòng quay khoản phải trả	35,2	14,5	24,9
Doanh thu thuần/tổng tài sản	1,3	0,5	1,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần	2,6%	3,5%	3,3%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	9,1%	5,2%	10,7%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	3,4%	1,9%	4,0%
Hệ số EBIT/doanh thu thuần	6,4%	8,1%	6,5%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	3,4%	4,5%	4,1%
5. Tốc độ tăng trưởng			
Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	2,0%	2,1%	0,6%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	-16,8%	738,2%	24,7%
Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận sau thuế	-1,7%	765,7%	25,4%

Ghi chú: Các chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng niên độ 01/01/2014 - 30/6/2014 được so sánh cùng kỳ 01/01/2013 - 30/6/2013.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

CỔ PHIẾU

Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: **62.994.918** cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu

62.994.918

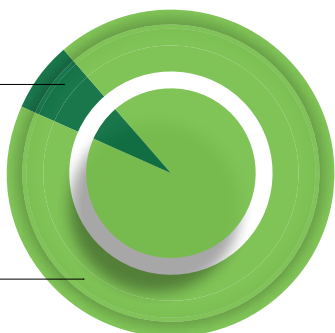
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CHỐT NGÀY 29/5/2015)

Tỷ lệ sở hữu vốn

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	7.832.405	12,43%	1	1	0
	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	51.250	0,08%	3	0	3
2	- Trong nước	51.250	0,08%	3	0	3
	- Ngoài nước	0	0,00%	0	0	0
	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	37.304.496	59,22%	4	3	1
3	- Trong nước	37.304.496	59,22%	4	3	1
	- Ngoài nước	0	0,00%	0	0	0
	Công đoàn Công ty	414.508	0,66%	1	1	0
4	- Trong nước	414.508	0,66%	1	1	0
	- Ngoài nước	0	0,00%	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	0	0,00%	0	0	0
	Cổ đông khác	17.392.259	27,61%	3.268	68	3.200
7	- Trong nước	13.072.477	20,75%	3.087	53	3.034
	- Ngoài nước	4.319.782	6,86%	181	15	166
TỔNG CỘNG		62.994.918	100,00%	3.277	73	3.204
	- Trong nước	58.675.136	93,14%	3.096	58	3.038
	- Ngoài nước	4.319.782	6,86%	181	15	166

6.86%

Ngoài nước



93.14%

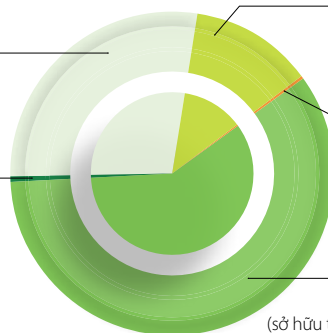
Trong nước

27.61%

Cổ đông khác

0.66%

Công đoàn Công ty



12.43%

Cổ đông Nhà nước

0.08%

Cổ đông sáng lập/
cổ đông FDI

59.22%

Cổ đông lớn
(sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

Cổ đông lớn

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên không phải là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)	45.136.901	71,65%	5	4	1
	- Trong nước	45.136.901	71,65%	5	4	1
	- Ngoài nước	0	0,00%	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Ngoài nước	0	0,00%	0	0	0
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn cổ phần	1.253.292	1,99%	60	60	0
	- Trong nước	689	0,00%	46	46	0
	- Ngoài nước	1.252.603	1,99%	14	14	0
TỔNG CỘNG		46.390.193	73,64%	65	64	1

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: không thay đổi

Đầu tư cải thiện năng suất, hiệu quả canh tác.







Bạn cần **vị ngọt cuộc sống?** Chúng tôi có Biên Hòa Joy



Đường que: tiện dụng mang theo khi đi xa
Đường viên: nhấp nhấp trà, cà phê cùng vị thanh của những viên đường
Đường shaker: món ăn ngon hơn, đậm vị hơn



Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

CÁC THAY ĐỔI VỀ THÀNH PHẦN BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Họ tên	Ngày vào công ty	Ngày bổ nhiệm	Chức danh	Thay thế
Trần Quế Trang	01/11/2013	06/3/2015	Tổng Giám đốc	Ông Bùi Văn Lang
Nguyễn Thành Khiêm	01/01/2015	01/01/2015	Phó TGD phụ trách khối KTSX	Ông Lê Quang Hải
Lê Ngọc Thông	01/10/2014	01/10/2014	Phó TGD phụ trách khối Kinh doanh	Lê An Khang
Trần Quốc Thảo	04/5/2015	04/5/2015	Phó TGD phụ trách khối Tài chính	Tuyển mới
Bùi Văn Lang	04/10/1985	20/01/2015	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm chức danh mới
Lê Quang Hải	20/6/1988	01/01/2015	Nghỉ việc	
Lê An Khang	01/6/2013	01/10/2014	Nghỉ việc	
Phạm Công Hải	25/9/1989	15/4/2015	Nghỉ việc	
Nguyễn Quốc Việt	25/8/2014	25/8/2014	Phó TGD phụ trách Nhà máy	Phạm Công Hải

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có 894 nhân viên (ngày 30/6/2014: 957 nhân viên).

Những chính sách thay đổi trong niên độ:

- Điều chỉnh chính sách trả lương Gross sang hình thức trả thu nhập Net đảm bảo nguyên tắc không làm giảm thu nhập và mức lương tham gia Bảo hiểm.
- Điều chỉnh chính sách trả lương làm thêm giờ theo hướng có lợi cho người lao động.
- Điều chỉnh chính sách trả lương theo quy định của nhà nước về mức lương tối thiểu vùng.

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

a. Tình hình chung

Trong thời gian qua, tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động đã tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Đối với kinh tế Việt Nam, trong 6 tháng đầu năm 2015, Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6,28% so với cùng kỳ - đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua. Tuy nhiên, tình hình sản xuất kinh doanh ở nhiều doanh nghiệp vẫn còn khó khăn. Hạn hán kéo dài, thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông

sản đều gặp khó khăn, trong khi đó chi phí đầu vào tăng cao như giá điện và giá xăng dầu. Lĩnh vực hàng tiêu dùng tăng trưởng chậm, trong khi nhiều doanh nghiệp tập đoàn nước ngoài đang gia tăng đầu tư tại Việt Nam, điều này càng tạo sức ép cạnh tranh đối với các Doanh nghiệp trong nước nói chung và các Doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu nói riêng.

b. Tình hình ngành đường

Theo số liệu của Hiệp hội Mía Đường, đến ngày 12/6/2015, sản lượng tồn kho tại các nhà máy giảm 30% so với vụ trước. Việc sụt giảm này chủ yếu do lượng đường RS giảm. Giá đường thấp khiến cho tình trạng nông dân

chuyển đổi cây trồng diễn ra mạnh tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và Đông Nam Bộ.

Theo dự báo của ISO, sản lượng đường thế giới vụ 2015 - 2016 sẽ tương đương với vụ này, trong khi nhu cầu thế giới tiếp tục tăng 3,6 triệu tấn. Thế giới sẽ thiếu hụt đường từ 2 đến 2,5 triệu tấn đường trong vụ mới. Trong nước, dự báo sản lượng đường sản xuất vụ 2015 - 2016 có khả năng thấp hơn vụ 2014 - 2015 do diện tích mía sụt giảm tại khu vực ĐBSCL, Đông Nam Bộ và thời tiết khô hạn tại các khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Từ tháng 6/2015, giá đường thế giới liên tục giảm mạnh, việc này có thể



Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa phấn đấu chinh phục thách thức hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu.

tạo điều kiện để các doanh nghiệp sản xuất trong nước nhập khẩu trực tiếp mà không dùng đường trong nước. Cuối niên độ, giá đường có khởi sắc do tình trạng thiếu hụt cục bộ và nhờ vào chính sách kiểm soát chặt đường lậu.

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong niên độ 2014 - 2015, Công ty đã sản xuất được 181.156 tấn đường thành phẩm các loại, vượt 5,3% so với kế hoạch, tương đương với 9.186 tấn đường thành phẩm tăng thêm. Tổng sản lượng tiêu thụ đạt 214.010 tấn, sản lượng đường bao là 150.827 tấn vượt kế hoạch để ra gần 1.000 tấn, tăng 13% so với cùng kỳ. Đối với đường bao xuất khẩu, sản lượng tiêu thụ đạt 31.045 tấn, vượt 3% so với kế hoạch để ra là 30.000 tấn, vượt 245% so với cùng kỳ (cùng kỳ là 8.993 tấn). Nhóm đường túi chỉ thực hiện được số lượng 21.730 tấn, so với kế hoạch 23.000 tấn, đạt 94,5%.

Doanh thu thuần đạt 2.981 tỷ đồng, vượt 17% kế hoạch, tương đương vượt 452 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 125 tỷ

đồng, vượt 32% kế hoạch, tương đương vượt 30 tỷ đồng.

Các khoản chi phí được quan tâm kiểm soát chặt chẽ, đã góp phần đem lại hiệu quả tổng thể cho toàn Công ty.

Tổng tài sản của Công ty ước tính đến 30/6/2015 đạt 2.438 tỷ đồng, tăng 5% so với số đầu niên độ. Niên độ 2014 - 2015 các chỉ tiêu sinh lời thể hiện tích cực hơn so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế/doanh thu đạt 4,2%, cao hơn mức 3,4% cùng kỳ. Đặc biệt chỉ tiêu tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) ước tính đạt 10,7% là mức sinh lời cao hơn kỳ vọng so với đa số các doanh nghiệp niêm yết. Tính thanh khoản được đảm bảo với tỷ số thanh toán hiện hành của Công ty luôn duy trì trên 1,1 lần.

Đánh giá tổng quan, toàn Công ty đã hoàn thành và vượt hầu hết các chỉ tiêu chính trong niên độ 2014 - 2015, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 32% so với kế hoạch – hoạt động kinh doanh và thị phần giữ được mức ổn định, đây là kết quả rất đáng phấn khởi trong bối cảnh ngành đường Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn.

Sản xuất

181.156

Tấn đường thành phẩm các loại

Doanh thu thuần

2.981 Tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế

125 Tỷ đồng

Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

(tiếp theo)

3. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	30/6/2015	30/6/2014	+/-	%
Tài sản ngắn hạn	1.615.453	1.535.660	79.793	5,2%
Tài sản dài hạn	822.059	794.381	27.678	3,5%
TỔNG TÀI SẢN	2.437.512	2.330.041	107.472	4,6%
Nợ phải trả	1.523.063	1.474.098	48.964	3,3%
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>1.455.489</i>	<i>1.398.692</i>	<i>56.797</i>	<i>4,1%</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>67.574</i>	<i>75.406</i>	<i>(7.833)</i>	<i>-10,4%</i>
Nguồn vốn chủ sở hữu	914.499	855.943	58.507	6,8%
TỔNG NGUỒN VỐN	2.437.512	2.330.041	107.472	4,6%

a. Tình hình tài sản

Trong niên độ 2014 - 2015, tổng tài sản của Công ty tăng 107,4 tỷ đồng, tương ứng tăng 4,6% so với cùng kỳ, chủ yếu là tài sản ngắn hạn tăng 79,8 tỷ đồng tương ứng tăng 5,2% và tài sản dài hạn tăng 27,7 tỷ đồng tương ứng tăng 3,5% so với cùng kỳ.

- Tài sản ngắn hạn tăng 79,8 tỷ đồng so với đầu niên độ chủ yếu từ:
 - Phải thu khách hàng tăng 133,5 tỷ đồng tăng 50,4%, nguyên nhân chủ yếu do số dư cuối kỳ các khoản phải thu công nợ bán đường bình thường và khoản ứng trước tiền đường cho Công ty.
 - Hàng tồn kho giảm 135 tỷ đồng, giảm 16% từ 834 tỷ đồng xuống 699 tỷ đồng. Nguyên nhân là do trong kỳ hoạt động bán hàng tương đối tốt.
 - Tài sản khác giảm 25,8 tỷ đồng giảm 56% chủ yếu là khoản thuế GTGT đầu vào của đầu kỳ là 31,79 tỷ đồng được hoàn trong kỳ.
- Tài sản dài hạn tăng 27,7 tỷ đồng tăng 3,5% so đầu niên độ chủ yếu do:
 - Tài sản cố định tăng 40,6 tỷ đồng ứng 6% chủ yếu tài sản cố định tăng

33 tỷ đồng (nguyên giá trong năm 80 tỷ, khấu hao tăng 47 tỷ đồng).

- Đầu tư tài chính dài hạn tăng 3,6 tỷ đồng ứng 4% chủ yếu là khoản mua chứng khoán Công ty CP Mía đường Phan Rang là 5,6 tỷ đồng (313.852 cổ phiếu chiếm 6,97% vốn điều lệ).

b. Tình hình nợ phải trả

Nguồn vốn hình thành tài sản tăng trong kỳ được đóng góp yếu từ vốn chủ sở hữu 58,5 tỷ đồng tăng 6,8% và nợ phải trả là 49 tỷ đồng tăng 3,3% so với số đầu kỳ.

- Trong nguồn vốn chủ sở hữu tăng là lợi nhuận góp phần tăng so với đầu kỳ là 54 tỷ đồng.
- Các khoản phải trả cuối kỳ giảm mạnh chủ yếu từ khoản vay ngân hàng, thuế và các khoản phải trả khác.

4. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Nằm trong chiến lược phát triển năng lực cạnh tranh thông qua việc nâng cao sức mạnh nội lực của tổ chức, niên độ 2014 - 2015 Công ty đã tiếp tục công cuộc tái cơ cấu hệ thống quản lý, rà soát định biên nhân

sự, chính sách thu nhập và khen thưởng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng, ổn định nguồn nhân lực. Song song đó Công ty còn tiến hành các chương trình đào tạo nâng cao các kỹ năng quản lý cho đội ngũ kế thừa. Thực hiện các công tác luân chuyển cán bộ quản lý và các vị trí công việc chủ chốt nhằm đào tạo phát triển toàn diện đội ngũ cán bộ Công ty.

Niên độ 2014 - 2015 Công ty tiếp tục thực hiện rà soát bộ chính sách và các văn bản lập quy điều hành theo hướng tinh gọn, khoa học và bám sát quy luật vận hành của nền kinh tế trong nước và thế giới. Từng bước đưa hoạt động của Công ty phát triển theo hướng chuyên nghiệp, đưa Công ty từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới.

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

- Doanh nghiệp dẫn đầu ngành mía đường tại Việt Nam.
- Phát triển bền vững (nông dân, doanh nghiệp, khách hàng và cộng đồng) đảm bảo hài hòa lợi ích vì cộng đồng phát triển địa phương.
- Nâng cao nội lực doanh nghiệp.
- Trách nhiệm với môi trường.







Bạn cần vị **ngọt thanh khiết?** Chúng tôi có Biên Hòa Pure



“Được sử dụng trong sản xuất công nghiệp các lĩnh vực nước giải khát, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm,... và tiêu dùng trực tiếp. Tinh khiết và an toàn sức khỏe.”

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động Công ty

“ Căn cứ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiệm vụ một cách khẩn trương và có những ứng phó linh hoạt, kịp thời để mang lại thành quả trong hoạt động kinh doanh, chứng minh được Công ty là đơn vị dẫn đầu trong ngành mía đường Việt Nam.

1. VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mặc dù nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức và các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự thoát khỏi khó khăn, song với sự năng động của Ban Lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết của cả đội ngũ CBCNV, BHS đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, vượt hầu hết các chỉ tiêu chính trong niên độ 2014 - 2015, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế vượt 32% so với kế hoạch - hoạt động kinh doanh và thị phần giữ được mức ổn định.

Bên cạnh kết quả kinh doanh rất đáng khích lệ nêu trên Ban điều hành cũng đặc biệt chú trọng thực hiện các mục tiêu hoạt động mà Hội đồng quản trị đã giao phó như: tập trung cho công tác đầu tư vào vùng nguyên liệu mía, cải thiện năng suất, hiệu quả canh tác, giảm giá thành sản xuất và củng cố mở rộng thị phần kinh doanh. Tình hình thực hiện mục tiêu tại Nhà máy Đường Trị An và Nhà máy Đường Tây Ninh cũng có nhiều điểm đáng ghi nhận trong đó đặc biệt là chỉ tiêu giá thành sản xuất đã được kiểm soát so với kế hoạch đặt ra.

2. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động và thương hiệu của Công ty.

Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời. Căn cứ Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc triển khai nhiệm vụ một cách khẩn trương và có những ứng phó linh hoạt, kịp thời để mang lại thành quả trong hoạt động kinh doanh, chứng minh được Công ty là đơn vị dẫn đầu trong ngành mía đường Việt Nam. Hội đồng quản trị ghi nhận nỗ lực cao của Ban Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực (i) tổ chức triển khai kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; (ii) triển khai thực hiện các dự án đầu tư; (iii) phát triển hệ thống sản phẩm và kênh phân phối; (iv) hiệu chỉnh bộ máy tổ chức quản lý và (v) chỉnh đốn quy trình, quy định trong mọi hoạt động.



3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NIÊN ĐỘ 2015 - 2016

a. Đối với công tác Kinh doanh – Thị trường

Tổ chức, quản lý và chăm sóc kênh phân phối và hệ thống Brandshop. Xây dựng hoàn thiện và phát triển hệ thống bán lẻ sản phẩm trong phạm vi cả nước. Đặc biệt chú trọng tăng tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm thông qua kênh tiểu thủ công nghiệp và khách hàng

mới trong kênh công nghiệp.

Tập trung chăm sóc khách hàng lớn và mở rộng khách hàng sử dụng trực tiếp (end-user), đa dạng hóa các phương thức tiếp cận khách hàng đối với sản phẩm đường.

Cập nhật kịp thời tình hình đường trong nước và quốc tế, linh hoạt trong việc nhập đường nguyên liệu đảm bảo lợi ích tối đa cho Công ty.

Nâng cao công tác đánh giá thị trường, thị phần và đề ra những chính sách kinh doanh – marketing hữu hiệu để gia tăng thị phần kênh tiêu dùng trực tiếp.

Tập trung nghiên cứu sản phẩm mới và tung sản phẩm mới theo đúng lộ trình.

b. Đối với công tác Nông nghiệp

Đào tạo cán bộ nông vụ nắm vững:

- Các chủ trương, chính sách nông nghiệp của Công ty;
- Thực trạng ngành đường của Việt Nam nói chung và tập đoàn nói riêng trong bối cảnh chung của ngành đường thế giới;
- Định hướng của tập đoàn trong công tác phát triển ngành đường;
- Tổ chức phổ biến, hướng dẫn các nội dung, phương thức truyền thông đối với công tác nông nghiệp đến nông dân.

Nghiên cứu và triển khai đồng bộ các giải pháp phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo:

- Diện tích đầu tư nhằm đáp ứng tối ưu công suất các Nhà máy;
- Nâng cao năng suất, chất lượng cây mía: giống mía sạch bệnh, cơ

giới hóa canh tác và thu hoạch, tăng diện tích tưới mía hữu hiệu 100% tại 2 nông trường;

- Phòng chống sâu bệnh, dịch hại;
- Thực hiện các công tác quản lý thu hoạch và sau thu hoạch;
- Đảm bảo thu nhập của người trồng mía để duy trì và phát triển mối quan hệ lâu dài giữa nhà máy và nông dân.

Xây dựng các chính sách, giải pháp đối với công tác đầu tư vùng nguyên liệu, có kiểm soát và đảm bảo thu hồi vốn đầu tư.

Chuẩn bị các phương án dự phòng cho việc thiếu hụt nguyên liệu trong niên độ 2015 - 2016.

c. Đối với công tác Kỹ thuật

- Tiếp tục việc kiểm soát chi phí trong từng công đoạn sản xuất.
- Phối hợp Khối kinh doanh để điều phối việc sản xuất đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường.
- Nâng cao tỷ lệ an toàn thiết bị.
- Quản lý dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ triển khai và chi phí được kiểm soát.
- Hoàn thiện hệ thống phòng vệ thực phẩm.
- Quản lý môi trường cần kiểm soát nguồn phát thải từ nhà máy và chất thải rắn.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định vận hành trong sản xuất. Đào tạo kỹ năng vận hành, xử lý sự cố.

d. Đối với các công tác khác

Công tác Nhân sự: Tập trung cho công tác đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự và chuẩn bị đội ngũ nhân lực kế thừa. Hoàn thiện bộ chỉ tiêu đánh giá cho các vị trí công việc,

thực hiện trả lương, xét thưởng theo kết quả đánh giá một cách sát sườn đúng thực tế và có chỉ tiêu đo lường cụ thể.

Hoàn thiện hệ thống văn bản lập

quy: nhằm đảm bảo hệ thống văn bản lập quy được rà soát và cập nhật hường xuyên đáp ứng nhu cầu thực tế và mang tính thống nhất trong toàn Công ty sau khi sáp nhập với Công ty CP Đường Ninh Hòa.

Chuẩn bị công việc sau sáp nhập:

lập các tiểu ban, phân công nhân sự phụ trách và xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, có xem xét đánh giá định kỳ hàng tháng trong các cuộc họp giao ban. Mục tiêu hoàn thành trong niên độ 2015 - 2016.

Công nghệ thông tin:

thực hiện nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin theo tiêu chuẩn mới và đẩy nhanh công tác triển khai Hệ thống quản trị doanh nghiệp (ERP) nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị và điều hành trong thời kỳ mới.

Tài chính – Kế toán:

tăng cường công tác kế toán quản trị để nâng cao chất lượng tham mưu cho Ban lãnh đạo, hoàn thiện hệ thống kiểm soát chi phí theo từng đơn vị/phòng ban, tách bạch lợi nhuận hoạt động của các nhà máy và sử dụng hiệu quả - an toàn nguồn vốn Công ty.

Quản lý chất lượng sản phẩm:

kiểm soát tỷ lệ sản phẩm không phù hợp tốt hơn mục tiêu đặt ra cả trong sản xuất và tiêu thụ. Hạn chế tình trạng khách hàng trả hàng gây ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của BHS.





Cho sự **tiện dụng hàng ngày**,
chúng tôi có Biên Hòa Daily



“ Sản phẩm không sử dụng hóa chất tẩy trắng, tinh khiết,
sạch, ngọt thanh tự nhiên, bổ dưỡng và an toàn cho sức khỏe.
Niềm tin của khách hàng là sứ mệnh của chúng tôi. ”

Quản trị Công ty



Luôn xác định giải pháp với sự phân công phân nhiệm và xác định lộ trình cụ thể, rõ ràng.

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đường Biên Hòa	0	0%
		Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đường Ninh Hòa		
3	Trần Quế Trang	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa	0	0%
		Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Ninh Hòa		
		Tổng giám đốc Công ty CP Đường Biên Hòa		
4	Lê Ngọc Thông	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa	0	0%
		PTGD Kinh doanh Công ty CP Đường Biên Hòa		
		Thành viên HĐQT Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh		
5	Phạm Hồng Dương	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	0	0%
		Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai		
		Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công		
6	Lê Văn Dĩnh	Thành viên HĐQT Công ty CP Đường Biên Hòa	0	0%
		Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh		

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV không thành lập các tiểu ban nằm trong Hội đồng quản trị mà phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng thành viên trong Hội đồng theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đối với các công việc quan trọng, cần nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng quản trị sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng/Ban.

Trong niên độ vừa qua, có các Hội đồng/Ban sau đã hoạt động:

- Hội đồng đầu tư: thay mặt Hội đồng quản trị xem xét và quyết định các vấn đề đầu tư của Công ty có giá trị dưới 30% tổng tài sản theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất và Hội đồng đầu tư thực hiện theo Quy chế đầu tư của Công ty.
- Hội đồng xét thầu: thay mặt Hội đồng quản trị xem xét, chọn thầu để thi công các hạng mục theo kế hoạch đầu tư đã được duyệt.
- Hội đồng xét thi đua, khen thưởng và kỷ luật: Chủ tịch Hội đồng quản trị cùng thành viên Hội đồng quản trị độc lập và Ban Tổng Giám đốc xem xét vấn đề thi đua, khen thưởng và kỷ luật đối với đơn vị, phòng ban trực thuộc Công ty và đối với các cấp quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- Ban sáp nhập: Ban triển khai sáp nhập Công ty CP Đường Biên Hòa và Công ty CP Đường Ninh Hòa theo phương án được sáp nhập được Đại hội đồng cổ đông hai công ty thông qua trong kỳ đại hội gần nhất.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong niên độ 2014 - 2015, Hội đồng quản trị đã tiến hành:

- Số cuộc họp thường kỳ: 03 lần (ngày 15/9/2014, ngày 23/01/2015, ngày 15/4/2015);
- Số cuộc họp đột xuất: 10 lần
 - Ngày 21/8/2014 họp về việc vay vốn tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Đồng Nai;
 - Ngày 05/12/2014 họp về việc vay vốn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM;
 - Ngày 27/11/2014 họp về việc vay vốn ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TP. HCM;
 - Ngày 31/12/2014 họp về việc vay vốn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai;
 - Ngày 19/01/2015 họp về việc xem xét tài liệu liên quan đến tiện ích tín dụng của ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam;
 - Ngày 13/3/2015 họp về việc xem xét các khoản vay tín dụng đối với MBBHCMC và MBBHN;
 - Ngày 07/4/2015 họp về việc xem xét ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Natixis – chi nhánh TP. HCM;
 - Ngày 20/4/2015 họp về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.
 - Ngày 20/4/2015 họp về việc thủ tục vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa;
 - Ngày 20/5/2015 họp về việc thay đổi ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích tổ chức Đại hội cổ đông bất thường niên độ 2014 – 2015 là ngày 29/5/2015 (thay vì 28/5/2015);

- Số lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản: 21 lần;
 - Lần 1: Phê duyệt nội dung các công việc nhằm triển khai kết luận trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2013. Thời gian lấy ý kiến: từ 03/7/2014 đến 08/7/2014;
 - Lần 2: Thông qua các nội dung công việc nhằm triển khai nghị quyết Đại hội cổ đông năm tài chính 2013, thời gian lấy ý kiến từ ngày 03/7/2014 đến ngày 08/7/2014;
 - Lần 3: Thông qua Báo cáo tài chính Quý II năm 2014 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2014, thời gian lấy ý kiến từ ngày 04/8/2014 đến 07/8/2014;
 - Lần 4: Thông qua tài liệu Đại hội cổ đông thường niên niên độ 2014, thời gian lấy ý kiến từ 09/10/2014 đến 14/10/2014;
 - Lần 5: Bầu chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với bà Nguyễn Thị Hoa, thời gian lấy ý kiến từ 30/10/2014 đến 01/11/2014;
 - Lần 6: Chia cổ tức niên độ 2014, thời gian lấy ý kiến từ 18/11/2014 đến 24/11/2014;
 - Lần 7: Thông qua Quyết định phân công phân nhiệm Hội đồng quản trị, thời gian lấy ý kiến từ 08/12/2014 đến 12/12/2014;
 - Lần 8: Thông qua Đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của ông Thái Văn Chuyên và bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thời gian lấy ý kiến từ 29/12/2014 đến 31/12/2014;

Quản trị Công ty (tiếp theo)

- **Lần 9:** Thông qua quyết định phân công phân nhiệm Hội đồng quản trị, thời gian lấy ý kiến từ 06/01/2015 - 09/01/2015;

- **Lần 10:** Thông qua đơn từ nhiệm của ông Nguyễn Văn Lộc và bầu bổ sung thành viên HĐQT, thời gian lấy ý kiến từ 16/01/2015 - 19/01/2015;

- **Lần 11:** Phê duyệt báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ 01/10/2014 đến 31/12/2014, thời gian lấy ý kiến từ 10/02/2015 đến 13/02/2015;

- **Lần 12:** phê duyệt báo cáo tài chính soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên giai đoạn 01/7/2015 đến 31/12/2014, thời gian lấy ý kiến từ 25/02/2015 đến 27/02/2015;

- **Lần 13:** Thông qua đơn từ nhiệm TGD của ông Bùi Văn Lang và bầu

chức danh TGD đối với bà Trần Quế Trang từ ngày 06/3/2015, thời gian lấy ý kiến từ 25/02/2015 đến 03/3/2015;

- **Lần 14:** Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2014 - 2015, thời gian lấy ý kiến từ 02/3/2015 đến 06/3/2015;

- **Lần 15:** Thông qua tờ trình chi khen thưởng phúc lợi công ty và báo cáo tài chính và báo cáo tài chính hợp nhất giai đoạn từ 01/01/2015 đến 31/3/2015, thời gian lấy ý kiến từ 12/5/2015 - 15/5/2015;

- **Lần 16:** Thông qua đơn từ nhiệm của bà Đặng Huỳnh Úc My, thời gian lấy ý kiến từ 19/5/2015 - 22/5/2015;

- **Lần 17:** Nhận chuyển nhượng 2 cổ phiếu Công ty CP Mía đường Phan Rang và cổ phiếu Công ty

CP Mía đường Sơn Dương, thời gian lấy ý kiến từ 28/5/2015 đến 01/6/2015;

- **Lần 18:** Phê duyệt việc tổ chức Đại hội cổ đông bất thường niên độ 2014 - 2015, thời gian lấy ý kiến từ 11/5/2015 đến 14/5/2015;

- **Lần 19:** Thông qua việc chuyển nhượng dây chuyền thiết bị luyện đường 400 tấn/ngày cho Công ty CP Đường Ninh Hòa, thời gian lấy ý kiến từ 22/5/2015 đến 26/5/2015;

- **Lần 20:** Phê duyệt bộ tài liệu Đại hội cổ đông bất thường niên độ 2014 - 2015, thời gian lấy ý kiến từ 08/6/2015 đến 11/6/2015;

- **Lần 21:** Phê duyệt việc sử dụng số dư tiền gửi tại tài khoản cho Công ty xuất nhập khẩu Bến Tre vay vốn, thời gian lấy ý kiến từ 18/6/2015 đến 22/6/2015;



Áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến là mục tiêu dài hạn của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.

- Sự tham dự của các thành viên trong Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp	Tỷ lệ	Số lần lấy ý kiến	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Thái Văn Chuyện	10	77%	14	67%	Ông Thái Văn Chuyện gửi đơn từ nhiệm TV HĐQT và không tham gia vào HĐQT từ 11/4/2015
2	Nguyễn Thị Hoa	9	69%	16	76%	Bà Nguyễn Thị Hoa bắt đầu tham gia vào HĐQT từ ngày 30/10/2014 nên chỉ tham gia họp HĐQT và lấy ý kiến từ thời điểm 30/10/2014 1 lần ủy quyền cho ông Lê Ngọc Thông gửi phiếu lấy ý kiến
3	Nguyễn Văn Lộc	6	46%	10	48%	Ông Nguyễn Văn Lộc gửi đơn thôi nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT và không tham gia vào HĐQT từ ngày 20/01/2015
4	Phạm Hồng Dương	13	100%	21	100%	
5	Tống Thông	12	92%	21	100%	
6	Đặng Huỳnh Úc My	11	85%	16	76%	Bà Đặng Huỳnh Úc My gửi đơn thôi nhiệm TV HĐQT từ 22/5/2015
7	Lê Ngọc Thông	3	23%	7	33%	Tham gia TV HĐQT từ 16/4/2015
8	Bùi Văn Lang	7	54%	10	48%	Ông Bùi Văn Lang tham gia HĐQT từ ngày 20/01/2015, gửi đơn từ nhiệm TV HĐQT và không tham gia vào HĐQT từ 16/6/2015

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị phân công cho ông Nguyễn Văn Lộc - Phó chủ tịch Hội đồng quản trị giữ vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Trong niên độ 2014 - 2015, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách, quyết định xác thực, công tâm và kịp thời.

Quản trị Công ty (tiếp theo)

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) do Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty CP Đường Biên Hòa (BHS).

Các thành viên BKS trong niên độ 2014 – 2015 bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm Từ nhiệm	Số cổ phần đang nắm giữ và tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Trung Kiên	Trưởng Ban	Kể từ ngày 17/4/2015	Không có
2	Lê Văn Hòa	Thành viên	Thời nhiệm Trưởng ban kiểm soát và là Thành viên Ban kiểm soát từ tháng 4/2015	48.996 cổ phiếu
3	Lê Quốc Phong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/6/2015	Không có
4	Lê Nho Định	Thành viên	Từ nhiệm ngày 07/5/2015	Không có

a. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các cuộc họp của BKS

Để thống nhất kế hoạch hoạt động cũng như phương pháp phối hợp với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD), Công ty trong việc thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát, Ban Kiểm soát đã tổ chức một số phiên họp như sau:

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 7/2014 đến 9/2014	Thông qua Kế hoạch hành động của BKS niên độ 2014 – 2015; Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính 2014.
2	Tháng 10/2014 đến 12/2014	Phân công Nhiệm vụ cho các thành viên BKS mới được đề cử trong ĐHCĐ 2014; Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính quý I niên độ 2014 – 2015; Thông qua Kết quả hoạt động quý III niên độ 2014 - 2015 của Phòng Kiểm soát nội bộ.
3	Tháng 01/2015 đến 3/2015	Thông qua Biên bản thẩm tra Báo cáo tài chính quý II niên độ 2014 – 2015; Thông qua Kết quả hoạt động quý IV niên độ 2014 - 2015 của Phòng Kiểm soát nội bộ.
4	Tháng 4/2015 đến 6/2015	Thông qua Biên bản bầu cử mới chức danh Trưởng Ban Kiểm soát, Thông qua Đơn từ nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát; Thông qua Biên bản kiểm tra kết thúc vụ của 2 Nhà máy. Thông qua Kết quả hoạt động quý IV niên độ 2014 - 2015 của Phòng Kiểm soát nội bộ.

Các thành viên trong BKS đều thống nhất ý kiến trong các cuộc họp.

Các mục tiêu trọng tâm đạt được trong niên độ 2014 - 2015

Trong năm, với sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và BTGD, BKS tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết để góp phần tăng hiệu quả hoạt động.

- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra công tác đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, tình hình chăm sóc, sinh trưởng và thu hồi công nợ đầu tư;
- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao;
- Tham dự các cuộc họp HĐQT;
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm;

b. Báo cáo kết quả làm việc của BKS

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ niên độ 2014 - 2015

Trong năm, Công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ các kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 30/10/2014, bao gồm:

- Chi trả cổ tức với tỷ lệ 5% bằng tiền mặt từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30/6/2014: đã thực hiện.
- Kết quả kinh doanh niên độ 2014 – 2015 đạt: lợi nhuận trước thuế đạt 125 tỷ, đạt 132% so với kế hoạch.
- Phân phối lợi nhuận: thực hiện đầy đủ việc trích lập các Quỹ dự phòng tài chính và Quỹ khen thưởng, phúc lợi.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: thực hiện theo đúng mức do ĐHĐCĐ phê duyệt.

Giám sát tình hình tài chính niên độ 2014 - 2015

BKS đã chỉ đạo Phòng Kiểm soát nội bộ kiểm tra thường xuyên hoạt động tài chính – kế toán của toàn Công ty. Định kỳ hàng quý, BKS thực hiện rà soát phân tích thông tin, số liệu trên Báo cáo tài chính của BHS.

Căn cứ các báo cáo và số liệu do BTGD trình bày tại các cuộc họp HĐQT, báo cáo soát xét bán niên và báo cáo kiểm toán niên độ 2014 - 2015, BKS đánh giá Báo cáo tài chính niên độ 2014 - 2015 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của BHS, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Giám sát hoạt động giữa HĐQT, BTGD và CBQL

Các thành viên HĐQT, BTGD và cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được giao, làm việc cẩn trọng và có trách nhiệm vì lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động; không có trường hợp lợi dụng thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với các Công ty có liên quan thực hiện đúng chủ trương của ĐHĐCĐ đã thông qua.

Trong niên độ, BKS đã tham dự các cuộc họp HĐQT, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của BHS và đóng góp ý kiến với HĐQT, BTGD trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BTGD và cổ đông

BKS đánh giá công tác kiểm soát đã đồng hành cùng hoạt động quản trị và điều hành, tương tác/phối hợp tốt với HĐQT và BTGD. Các khuyến nghị của BKS và Phòng Kiểm soát nội bộ đã được ghi nhận và thống nhất chỉnh sửa để nâng cao hiệu quả quản lý.

BKS tôn trọng quyền và lợi ích của cổ đông, sẵn sàng hợp tác và đồng hành với cổ đông để chia sẻ, làm rõ một số vấn đề khi xét thấy cần thiết.

Giám sát hoạt động đầu tư vùng nguyên liệu

Thực hiện công tác kiểm soát thu hoạch nguyên liệu mía vụ sản xuất niên độ 2014 – 2015 và kiểm soát công tác giải ngân đầu tư vụ sản xuất niên độ 2015 – 2016 tại các Nhà máy và Nông trường.

c. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

BKS có một số kiến nghị với HĐQT và BTGD như sau:

Đối với công tác tài chính – kế toán

Hoàn thiện các vấn đề BKS đã kiến nghị theo đúng thời gian cam kết, một số vấn đề mang tính chất lâu dài, cần thời gian hoàn thiện, để nghị thực hiện theo lộ trình đã định. BKS sẽ thực hiện giám sát theo báo cáo hàng tuần.

Đối với công tác quản lý nhân sự

Phòng Nhân sự Công ty sớm xây dựng quy định về chế tài đối với những hành vi không tuân thủ hoặc chưa/không thực hiện các công việc theo chỉ đạo. Căn cứ vào đó sẽ có hình thức kỷ luật phù hợp nhằm chấn chỉnh các hành vi không phù hợp. Qua đó sẽ giúp tạo lập môi trường kiểm soát hiệu quả tại tất cả các cấp quản lý/đơn vị.

Đối với công tác nông nghiệp

Cần đánh giá lại năng lực nhân viên nông vụ của từng trạm và thực hiện đào tạo cho các nhân sự này về chuyên môn cũng như các chính sách, chủ trương của Công ty. Để phát huy cao nhất hiệu quả của công tác phát triển vùng nguyên liệu, năng suất, chữ đường... cần định hướng phát triển các nhân viên nông vụ thành các tư vấn viên nông nghiệp, đồng hành cùng khách hàng trồng mía.

Tại các trạm nông vụ, cần tổ chức lại các cơ chế báo cáo, sổ ghi chép lưu trữ các thông tin liên quan khách hàng và các hoạt động hàng ngày trên cánh đồng.

Đối với công tác xây dựng, hoàn thiện Hệ thống Kiểm soát nội bộ

Hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng của tài sản.

Quản trị Công ty (tiếp theo)

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a. Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác

Thù lao Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm (triệu đồng)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch HĐQT	120	Tham gia vào HĐQT từ tháng 11/2014
2	Nguyễn Văn Lộc	Thành viên HĐQT đã từ nhiệm	100	Thôi nhiệm từ tháng 01/2015
3	Bùi Văn Lang	Thành viên HĐQT đã từ nhiệm	77.5	Tham gia vào HĐQT từ tháng 01/2015, thôi nhiệm từ tháng 6/2015
4	Thái Văn Chuyên	Thành viên HĐQT đã từ nhiệm	142.5	Thôi nhiệm từ tháng 4/2015
5	Đặng Huỳnh Ước My	Thành viên HĐQT đã từ nhiệm	161.8	Thôi nhiệm từ tháng 5/2015
6	Tống Thông	Thành viên HĐQT đã từ nhiệm	176.5	Thôi nhiệm từ tháng 6/2015
7	Phạm Hồng Dương	Thành viên HĐQT	180	
8	Lê Ngọc Thông	Thành viên HĐQT	37.5	Tham gia vào HĐQT từ tháng 4/2015
9	Trần Quế Trang	Thành viên HĐQT	2.5	Tham gia vào HĐQT từ ngày 26/6/2015
10	Lê Văn Dĩnh	Thành viên HĐQT	2.5	Tham gia vào HĐQT từ ngày 26/6/2015

Thù lao Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao năm (triệu đồng)	Ghi chú
1	Phạm Trung Kiên	Trưởng Ban kiểm soát	37.5	Tham gia vào BKS từ tháng 01/2015
2	Lê Văn Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	75	Thôi nhiệm Trưởng ban kiểm soát và là Thành viên Ban kiểm soát từ tháng 4/2015
3	Lê Nho Định	Thành viên Ban kiểm soát đã từ nhiệm	63.7	Thôi nhiệm từ tháng 5/2015
4	Lê Quốc Phong	Thành viên Ban kiểm soát	1	Tham gia vào BKS từ ngày 26/6/2015
5	Nguyễn Thùy Vân	Thành viên Ban kiểm soát đã từ nhiệm	37.5	Thôi nhiệm từ tháng 12/2014

Ban Tổng Giám đốc

Tổng tiền lương từ 01/7/2014 - 30/6/2015: **4.069.614.764** VNĐ

Tổng tiền thưởng từ 01/7/2014 - 30/6/2015: **766.494.163** VNĐ

Việc phân phối tiền thưởng cho Ban Tổng giám đốc tuân theo Quy chế Lao động và Quyết định khen thưởng của Hội đồng quản trị.

b. Các giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ (chốt đến 29/5/2015)

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ	
I CỔ ĐÔNG NỘI BỘ							
1	Thái Văn Chuyên	TV HĐQT (từ nhiệm từ 16/4/2015)	398.064	0,63%	303.064	0,48%	Theo nhu cầu cá nhân
2	Công ty CP Điện Gia Lai	Ông Thái Văn Chuyên là CT HĐQT	5.278.600	8,38%	0	0%	Cơ cấu danh mục đầu tư
3	Nguyễn Văn Lộc		223.240	0,35%	247.562	0,39%	Theo nhu cầu tài chính cá nhân
4	Đặng Huỳnh Úc My		3.048.644	4,84%	6.148.644	9,76%	Theo nhu cầu tài chính cá nhân
5	Tống Thông	TV HĐQT (từ nhiệm từ 23/6/2015)	16.218	0,03%	8	0	Theo nhu cầu cá nhân
6	Tổng công ty mía đường II – Công ty cổ phần	Ông Tống Thông là TV HĐQT (từ nhiệm từ 23/6/2015)	7.654.133	12,15%	0	0	Cơ cấu lại danh mục đầu tư
7	Bùi Văn Lang	Là TV HĐQT (từ nhiệm 25/6/2015)	248.712	0,39%	198.712	0,32%	Theo nhu cầu tài chính cá nhân
8	Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Ông Phạm Hồng Dương là CT HĐQT	13.630.296	21,64%	14.450.296	22,94%	Đầu tư
I.2 KẾ TOÁN TRƯỞNG							
1	Ngô Thị Thanh Hằng	Là kế toán trưởng (đến 16/6/2015)	31.460	0,05%	16.450	0,03%	Theo nhu cầu tài chính cá nhân
II CỔ ĐÔNG LỚN							
1	Tổng công ty mía đường II – Công ty cổ phần	Ông Tống Thông là TV HĐQT (từ nhiệm từ 23/6/2015)	7.734.143	12,28%	0	0	Cơ cấu lại danh mục đầu tư
2	Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	Ông Phạm Hồng Dương là CT HĐQT	13.630.296	21,64%	14.450.296	22,94%	Đầu tư



Bạn cần hơn thế nữa,
chúng tôi **không ngừng đổi mới**



Cung cấp thêm sự lựa chọn
cũng như đáp ứng
cho mọi nhu cầu đa dạng của khách hàng



Báo cáo phát triển bền vững

“ BHS luôn cân bằng giữa lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường, lợi ích về sức khỏe cho người tiêu dùng trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. ”



1. THÔNG ĐIỆP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược phát triển của BHS trên con đường chinh phục các mục tiêu đầy thách thức của mình. Với quan điểm “Bảo vệ môi trường sống là đảm bảo cho sự phát triển bền vững”, BHS luôn cân bằng giữa lợi ích kinh tế và lợi ích môi trường, lợi ích về sức khỏe cho người tiêu dùng trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Để bước đi thành công trên hành trình đó, BHS luôn tôn trọng đạo đức kinh doanh, các giá trị cốt lõi, cũng như thực hiện các hành động mang lại những giá trị bền vững cho xã hội, cộng đồng.

2. BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

Hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt những năm qua luôn được BHS chú trọng, duy trì và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường doanh nghiệp, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của tất cả cán bộ nhân viên trong vấn đề bảo vệ môi trường. Phát động phong trào sử dụng tiết kiệm điện, nước, nguyên nhiên liệu để đảm bảo hạn chế tối đa việc xử lý cuối đường ống, tiết kiệm tài nguyên vừa mang lại lợi ích cho doanh nghiệp vừa mang lại lợi ích cho môi trường. Cụ thể:

Sử dụng năng lượng hiệu quả:

a. Nghiên cứu đầu tư hệ thống nấu đường tự động, giúp giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, tăng năng suất nhà máy, nâng cao chất lượng đường.

b. Nghiên cứu đầu tư bốc hơi nước đường trước khi nấu giúp giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, tăng năng suất nhà máy, làm giảm tiêu hao hơi xuống đến mức từ 1,3 tấn hơi/tấn đường xuống nhỏ hơn 1 tấn hơi/tấn đường, đạt chuẩn quốc tế.

c. Nghiên cứu đầu tư hệ thống ngưng tụ hơi thoát từ nồi nấu tái sử dụng, giúp giảm chi phí nước, giảm tiêu hao năng lượng hơi đốt, giảm phát thải.

d. Nghiên cứu đầu tư lò hơi đốt than mới hiệu suất nhiệt cao thay cho lò cũ hiệu suất thấp, giúp giảm tiêu hao nhiên liệu than, giảm thiểu bụi phát thải ra môi trường.

e. Nghiên cứu đầu tư hệ thống vận chuyển đường âm dưới nền kho, để lấy đường trực tiếp, không dùng xe cơ giới, giúp giảm chi phí vận hành, giảm ô nhiễm môi trường, giảm ô nhiễm đường nguyên liệu.

Đảm bảo xử lý triệt để chất thải phát sinh đạt quy chuẩn xả thải:

Về công tác bảo vệ môi trường, từ năm 1997 BHS là doanh nghiệp đầu tiên của KCN Biên Hòa 1 đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng công nghệ Đan Mạch với công suất thiết kế 1.000m³/ngày đêm. Trong suốt thời gian qua BHS luôn đảm bảo chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý đạt quy chuẩn theo quy định hiện hành. Công ty cũng triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn và đảm bảo từng loại chất thải được thu gom, lưu trữ và xử lý đúng theo quy định, tận dụng. Đầu tư hệ thống xử lý khí thải với công nghệ tách bụi khô và tuần hoàn nước dập bụi nhằm tiết kiệm nước, khí thải luôn đạt quy chuẩn cho phép.

3. CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN THÔNG BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG

“Đường sạch” là một phần không thể tách rời của khái niệm “An toàn vệ sinh thực phẩm” trong cuộc sống chúng ta nói riêng và nền kinh tế - xã hội của một đất nước nói chung.



Trước hết, thực phẩm là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng cho sự phát triển của cơ thể, đảm bảo sức khỏe con người nhưng đồng thời cũng là nguồn gây bệnh nếu không đảm bảo vệ sinh. Về lâu dài thực phẩm không những có tác động trực tiếp đối với sức khỏe mỗi con người mà còn ảnh hưởng lâu dài đến nòi giống của một dân tộc.

Trong khi đó, đối với nước ta cũng như nhiều nước đang phát triển, lương thực thực phẩm là một loại sản phẩm chiến lược, ngoài ý nghĩa kinh tế còn có ý nghĩa chính trị, xã hội rất quan trọng. Theo đó, nâng cao chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm là chìa khóa làm tăng lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Để thực hiện được điều này, thực phẩm không những cần được sản xuất, chế biến, bảo quản tránh ô nhiễm từ môi trường bên ngoài và các loại vi sinh vật mà còn không chứa các chất hóa học hay tự nhiên vượt quá mức quy định cho phép của tiêu chuẩn quốc tế và

quốc gia. Những thiệt hại khi không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm gây nên nhiều hậu quả khác nhau, từ bệnh cấp tính, mãn tính hoặc dẫn đến tử vong. Thiệt hại chính do các bệnh gây ra từ thực phẩm đối với cá nhân là chi phí khám bệnh, phục hồi sức khỏe, chi phí chăm sóc người bệnh, sự mất thu nhập do phải nghỉ làm... Đối với nhà sản xuất, đó là những chi phí do phải thu hồi, lưu giữ, hủy hoặc loại bỏ sản phẩm,... và thiệt hại lớn nhất là mất lòng tin của người tiêu dùng. Ngoài ra còn có các thiệt hại khác như phải điều tra, khảo sát, phân tích, kiểm tra độc hại, giải quyết hậu quả,...

Do vậy, vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm để phòng các bệnh gây ra từ thực phẩm có ý nghĩa thực tế rất quan trọng trong sự phát triển kinh tế và xã hội, bảo vệ môi trường sống của các nước đã và đang phát triển.

Hiểu được tầm quan trọng của khái niệm tổng thể "An toàn vệ

sinh thực phẩm", BHS đã kết hợp nhuần nhuyễn khái niệm này vào chính sản phẩm mà Công ty đang sản xuất và kinh doanh. Khái niệm "bền vững" được áp dụng vào tất cả các giai đoạn trong sản xuất và kinh doanh. Từ vùng nguyên liệu được BHS đầu tư bài bản với quy mô lớn nhằm đảm bảo nguồn cung mía ổn định và đạt chất lượng cao. Đến các hoạt động sản xuất, tại BHS, chúng tôi sử dụng công nghệ hiện đại bậc nhất đến từ Nhật Bản, cùng hệ thống máy móc trang thiết bị nhập khẩu hoàn toàn để đảm bảo được chất lượng sản phẩm đầu ra đạt được tất cả các quy chuẩn khắt khe nhất từ khách hàng và thị trường. Và cuối cùng là công tác kinh doanh sản phẩm, đưa các sản phẩm của BHS đến với người tiêu dùng. Chúng tôi có hệ thống phân phối kinh doanh chuyên nghiệp và trải rộng khắp các tỉnh thành của cả nước, đưa đến tận tay người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng với các mức giá phù hợp.





Chất lượng **khẳng định** thương hiệu



“ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
trân trọng cảm ơn người tiêu dùng đã tín nhiệm, bình chọn
sản phẩm Đường Biên Hòa danh hiệu
Hàng Việt Nam chất lượng cao liên tục 19 năm qua. ”

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Quyết định Thành lập số

44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 21 tháng 01 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch Phó chủ tịch	(từ ngày 01 tháng 01 năm 2015) (từ ngày 31 tháng 10 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch Thành viên	(đến ngày 31 tháng 12 năm 2014) (từ ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến ngày 15 tháng 4 năm 2015)
Ông Bùi Văn Lang	Phó Chủ tịch	(từ ngày 20 tháng 01 năm 2015 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015)
Ông Nguyễn Văn Lộc	Phó Chủ tịch	(đến ngày 19 tháng 01 năm 2015)
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên	(đến ngày 21 tháng 5 năm 2015)
Ông Tống Thông	Thành viên	(đến ngày 22 tháng 6 năm 2015)
Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên	
Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên	(từ ngày 26 tháng 6 năm 2015)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên	(từ ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Bà Trần Quế Trang	Thành viên	(từ ngày 26 tháng 6 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc	(từ ngày 06 tháng 3 năm 2015)
Ông Bùi Văn Lang	Tổng Giám đốc	(đến ngày 05 tháng 3 năm 2015)
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc	(đến ngày 14 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Thành Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 01 tháng 01 năm 2015)
Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	(đến ngày 31 tháng 12 năm 2014)
Ông Lê Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc	(đến ngày 30 tháng 9 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 25 tháng 8 năm 2014)
Ông Nguyễn Tiến Cường	Phó Tổng Giám đốc	(đến ngày 10 tháng 8 năm 2014)
Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	(từ ngày 4 tháng 5 năm 2015)
Bà Trần Quế Trang	Phó Tổng Giám đốc	(đến ngày 5 tháng 3 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Trung Kiên	Trưởng ban	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2015)
	Thành viên	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Trung Kiên	Thành viên	(từ ngày 20 tháng 10 năm 2014 đến ngày 16 tháng 4 năm 2015)
Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên	(đến ngày 19 tháng 10 năm 2014)
Ông Lê Nho Định	Thành viên	(đến ngày 07 tháng 5 năm 2015)
Ông Lê Quốc Phong	Thành viên	(từ ngày 26 tháng 6 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 63 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “nhóm Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 18 tháng 9 năm 2015



Báo cáo Kiểm toán độc lập



KPMG Limited Branch

10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, District 1, Ho Chi Minh
City, The Socialist Republic of Vietnam
Telephone : +84(8) 3821 9266
Fax : +84(8) 3821 9267
Internet : www.kpmg.com.vn

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 9 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 63.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo Kiểm toán độc lập

(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-01-106



A blue handwritten signature, likely belonging to Nguyễn Thanh Nghị, written in a cursive style.

Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 9 năm 2015

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.618.679.896.705	1.539.023.123.966
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	39.259.307.816	71.162.997.242
Tiền	111		10.059.307.816	71.162.997.242
Các khoản tương đương tiền	112		29.200.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	82.921.461.456	31.052.571.428
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	772.286.914.001	552.976.031.534
Phải thu khách hàng	131		397.188.652.520	264.772.913.069
Trả trước cho người bán	132		377.346.149.810	292.409.054.781
Phải thu khác	135		10.799.273.958	5.649.794.273
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(13.047.162.287)	(9.855.730.589)
Hàng tồn kho	140	8	702.566.926.494	837.129.926.134
Hàng tồn kho	141		702.566.926.494	837.582.728.938
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(452.802.804)
Tài sản ngắn hạn khác	150		21.645.286.938	46.701.597.628
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.690.059.755	11.992.966.401
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.470.058.841	33.414.183.169
Thuế phải thu Nhà nước	154		920.475.720	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.564.692.622	1.294.448.058
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)	200		810.915.117.101	785.606.796.036
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	17.648.398.812	38.857.028.969
Phải thu dài hạn khác	218		17.648.398.812	38.857.028.969
Tài sản cố định	220		700.893.156.134	660.425.673.752
Tài sản cố định hữu hình	221	9	563.227.862.981	530.126.992.995
<i>Nguyên giá</i>	222		1.033.607.268.916	953.810.252.321
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(470.379.405.935)	(423.683.259.326)
Tài sản cố định vô hình	227	10	8.513.424.423	8.803.090.919
<i>Nguyên giá</i>	228		21.252.921.543	20.483.171.543
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(12.739.497.120)	(11.680.080.624)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	129.151.868.730	121.495.589.838

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	72.713.193.139	69.072.253.086
Đầu tư vào công ty liên kết	252		7.133.049.000	7.129.929.336
Đầu tư dài hạn khác	258		77.704.479.384	72.055.143.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.124.335.245)	(10.112.819.634)
Tài sản dài hạn khác	260		9.299.102.685	4.709.254.670
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.873.410.601	4.709.254.670
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	7.415.692.084	-
Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	-
Lợi thế thương mại	269	15	10.361.266.331	12.542.585.559
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.429.595.013.806	2.324.629.920.002
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.515.903.437.931	1.470.457.898.949
Nợ ngắn hạn	310		1.448.329.638.152	1.395.051.404.016
Vay ngắn hạn	311	16	1.111.333.349.390	1.178.722.775.603
Phải trả người bán	312	17	111.841.437.258	89.379.353.266
Người mua trả tiền trước	313	18	47.581.790.505	31.098.496.907
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	20.239.067.632	7.536.180.186
Phải trả người lao động	315		21.615.193.302	23.146.291.584
Chi phí phải trả	316	20	83.407.402.315	5.051.920.742
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	46.315.522.659	53.976.651.762
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	5.995.875.091	6.139.733.966
Vay và nợ dài hạn	330		67.573.799.779	75.406.494.933
Phải trả dài hạn khác	333		532.640.000	1.555.540.000
Vay dài hạn	334	23	67.041.159.779	73.850.954.933
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		913.691.575.875	854.172.021.053
Vốn chủ sở hữu	410	24	913.691.575.875	854.172.021.053
Vốn cổ phần	411	25	629.949.180.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	39.817.240.000
Quỹ đầu tư phát triển	417	27	109.299.828.194	107.083.910.486
Quỹ dự phòng tài chính	418	27	35.198.110.466	32.982.192.758
Lợi nhuận chưa phân phối	420		99.427.217.215	44.339.497.809
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.429.595.013.806	2.324.629.920.002

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2015	30/6/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba (VND)	33.046.998.148	28.191.292.540
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	10.626.739.437	10.703.991.527
Ngoại tệ (USD)	2.628	174.314
Ngoại tệ (EUR)	250	250

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:

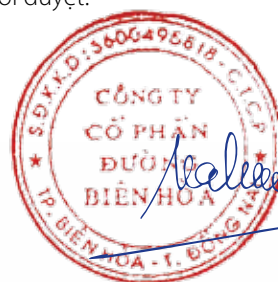
Người duyệt:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu	01	28	2.988.892.945.642	1.263.543.067.421
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	14.081.200.740	5.077.980.705
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	2.974.811.744.902	1.258.465.086.716
Giá vốn hàng bán	11	29	2.627.304.143.427	1.082.901.043.775
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		347.507.601.475	175.564.042.941
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	47.863.862.875	32.124.526.010
Chi phí tài chính	22	31	74.909.648.999	52.903.104.681
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>67.197.422.177</i>	<i>45.141.207.971</i>
Chi phí bán hàng	24		81.477.991.261	44.905.560.888
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		115.598.984.610	52.148.722.257
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		123.384.839.480	57.731.181.125
Thu nhập khác	31	32	8.280.086.941	1.881.377.214
Chi phí khác	32	33	4.902.662.284	939.911.944
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.377.424.657	941.465.270
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	45	12	3.119.664	115.612.167
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		126.765.383.801	58.788.258.562
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	35.229.077.605	13.002.992.208
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(7.415.692.084)	305.624.415
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		98.951.998.280	45.479.641.939
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	62		98.951.998.280	45.479.641.939
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	1.571	722

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:

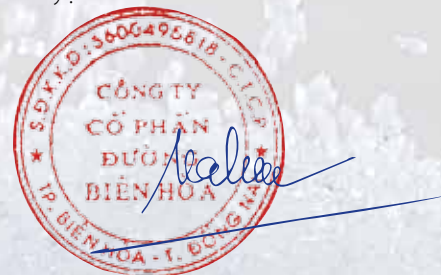
Người duyệt:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		126.765.383.801	58.788.258.562
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		53.102.418.888	23.575.700.793
Các khoản dự phòng	03		5.249.248.270	9.592.200.357
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		880.799.429	131.939.929
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	05		(3.119.664)	(115.612.167)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(529.673.126)	(831.633.512)
Thu nhập lãi từ tiền gửi	05		(411.023.644)	(697.418.447)
Thu nhập lãi từ các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và cho người bán	05		(36.550.287.065)	(28.210.597.438)
Thu nhập lãi từ tiền khách hàng thanh toán chậm	05		(5.717.951.690)	(2.734.761.500)
Thu nhập cổ tức	05		(2.223.558.000)	-
Chi phí lãi vay	06		67.197.422.177	45.141.207.971
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		207.759.659.376	104.639.284.548
Biến động các khoản phải thu	09		(150.102.584.090)	201.174.484.575
Biến động hàng tồn kho	10		134.562.999.640	(493.916.479.366)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		127.820.358.722	(123.059.900.473)
Biến động chi phí trả trước	12		1.138.750.715	(1.841.857.877)
			321.179.184.363	(313.004.468.593)
Tiền lãi vay đã trả	13		(67.549.792.446)	(42.396.237.841)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(27.084.521.250)	(10.222.498.146)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.484.961.374)	(8.647.629.463)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		220.059.909.293	(374.270.834.043)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(82.414.029.022)	(52.162.822.284)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		4.784.965.410	1.229.045.456
Tiền chi cho các đơn vị khác vay	25		(351.000.000.000)	(261.100.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay	25		299.131.109.972	274.287.428.572
Tiền chi đầu tư cổ phiếu dài hạn	25		(12.487.536.700)	(11.035.080.000)
Tiền thu lãi và cổ tức	27		28.069.575.777	41.262.828.363

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(113.915.914.563)	(7.518.599.893)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		2.706.921.157.611	1.522.737.118.241
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.782.059.110.310)	(1.308.077.074.456)
Tiền chi trả cổ tức	36		(62.910.348.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(138.048.301.199)	214.660.043.785
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(31.904.306.469)	(167.129.390.151)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		71.162.997.242	238.292.387.393
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		617.043	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	39.259.307.816	71.162.997.242

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:

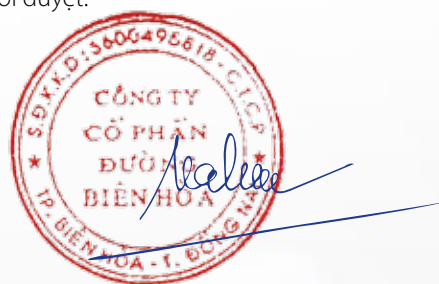
Người duyệt:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Mẫu B 09 – DN/HN

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón; vật tư ngành nông nghiệp; tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 và do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành

phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 450300000501 cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001, đặt tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4713000435 cấp ngày 7 tháng 12 năm 2007, đặt tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014

đặt tại Thôn Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3213000033 cấp ngày 11 tháng 6 năm 2001, đặt tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014, đặt tại số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, TP. HCM.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “nhóm Công ty”) và các lợi ích của nhóm Công ty trong công ty liên kết.



Luôn coi trọng nhân tố con người với vai trò then chốt cho sự nghiệp phát triển và hội nhập.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết các công ty trong nhóm Công ty như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2015	30/6/2014
Các công ty con của Công ty				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi (“Hải Vi”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long (“Biên Hòa – Thành Long”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
Công ty liên kết của Công ty				
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	24%	24%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và Công ty này vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, Cổ đông

đã thông qua việc Công ty mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng việc phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của

Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại dự kiến hoàn thành trước ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nhóm Công ty có 894 nhân viên (31/12/2014: 957 nhân viên).



2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Trong những năm trước, kỳ kế toán năm của nhóm Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, nhóm Công ty thay đổi kỳ kế toán năm như sau:

- Kỳ kế toán năm đầu tiên sau khi thay đổi là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014; và
- Các kỳ kế toán năm tiếp theo sẽ từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

Theo đó, số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất thể hiện kết quả hoạt động

kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 (kỳ 6 tháng) và không thể so sánh được với các số liệu của kỳ hiện tại.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của các Công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công

ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của Công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho Công ty liên kết.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của nhóm Công ty tại công ty liên kết.

Phát triển vùng nguyên liệu mía luôn được Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa đầu tư trong thời gian qua.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ hoặc giá trị thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá theo hướng dẫn của Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 điều chỉnh cho Thông tư số 228/2009/TT-

BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn của nhóm Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng

tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiêu thụ.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 20 năm
Dụng cụ văn phòng	3 - 15 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các

quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và nhóm Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phân ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 15 năm.

(iii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các

tài sản nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại các công ty con và các công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trong những năm tài chính trước, nhóm Công ty trích trước một số khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ theo Quyết định số 15/2006/QĐ–BTC. Những chi phí này bao gồm chi phí bảo trì máy móc, chi phí nhân công thực hiện công việc bảo trì máy móc và chi phí khấu hao máy móc (“chi phí bảo trì trước mùa vụ”), những chi phí này được ước tính và bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất trước.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, nhóm Công ty đã thay đổi chính sách kế toán sang ghi nhận những chi phí này trong tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, những chi phí này bao gồm trong chi phí sản xuất của hàng tồn kho được sản xuất trong mùa vụ sản xuất tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng chi phí

bảo trì trước mùa vụ này phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ góp phần vào việc duy trì hoạt động của những tài sản này trong suốt mùa vụ sản xuất tiếp theo. Nhóm Công ty không có nghĩa vụ phát sinh những chi phí này sau mỗi mùa vụ sản xuất, do đó không bắt buộc phải trích trước những chi phí này. Do đó, nhóm Công ty cho rằng chính sách kế toán mới này cung cấp thông tin liên quan và đáng tin cậy hơn về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của nhóm Công ty.

(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của nhóm Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của nhóm Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, nhóm Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo

giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nhóm Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà nhóm Công

ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được nhóm Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà nhóm Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc

một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nhóm Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan

trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(s) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuế. Các khoản hoa hồng đi thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuế.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của nhóm



Đơn vị tiên phong
áp dụng công nghệ hiện đại.

Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(y) Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của nhóm Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với nhóm Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với nhóm Công

ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của nhóm Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. Báo cáo bộ phận

Nhóm công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Tiền mặt	439.725.788	548.602.089
Tiền gửi ngân hàng	8.928.352.028	70.614.395.153
Tiền đang chuyển	691.230.000	-
Các khoản tương đương tiền	29.200.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	39.259.307.816	71.162.997.242

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho khách hàng và nhà cung cấp vay với thời gian đáo hạn dưới 1 năm kể từ ngày giải ngân và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng. Các khoản cho vay và tiền gửi này hưởng lãi suất năm từ 4,75% đến 11,0% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 8,0% đến 11,0%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải thu từ các cổ đông		
Thương mại	164.556.061.288	944.981.769
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Thương mại	1.002.993.401	-

Phải thu thương mại từ các cổ đông và các công ty liên quan khác không được đảm bảo bằng tài sản, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 - 20 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản phải thu với giá trị là 342.185 triệu VND (30/6/2014: 509.951 triệu VND) được yêu cầu thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của nhóm Công ty.

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho các bên liên quan sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước cho các cổ đông		
Thương mại	164.705.792.455	26.149.190.734
Trả trước cho các công ty liên quan khác		
Thương mại	26.507.154.492	14.483.325.001

Khoản trả trước cho các cổ đông và các công ty liên quan khác không được đảm bảo bằng tài sản và hưởng lãi suất năm dao động từ 8,2% đến 8,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 7,8% đến 8,5%).

Trong khoản trả trước cho người bán và khoản phải thu dài hạn khác có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	99.115.995.937	159.195.266.329
Trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía	17.648.398.812	38.857.028.969
	116.764.394.749	198.052.295.298

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng cố định là 0,9% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 0,9% mỗi tháng). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong kỳ, nhóm Công ty đã cần trừ 180.702.035.285 VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 159.358.141.952 VND).

Khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Mua cổ phần chưa nhận sổ cổ đông	6.838.200.700	-
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	2.852.868.841	4.040.313.984
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển phải thu từ nông dân trồng mía	-	175.370.435
Thuế thu nhập cá nhân trả hộ nhân viên	158.634.673	313.232.085
Phải thu khác	949.569.744	1.120.877.769
	10.799.273.958	5.649.794.273

8. Hàng tồn kho

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	74.802.031.217
Nguyên vật liệu	54.209.965.390	66.021.159.445
Công cụ và dụng cụ	14.901.818.581	14.281.501.555
Sản xuất kinh doanh dở dang	41.804.976.811	55.502.974.918
Thành phẩm	579.561.686.615	602.171.782.561
Hàng hóa	12.088.479.097	24.803.279.242
	702.566.926.494	837.582.728.938
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(452.802.804)
	702.566.926.494	837.129.926.134

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 413.350 triệu VND (30/6/2014: 702.034 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của nhóm Công ty.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	452.802.804	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	452.802.804
Sử dụng dự phòng	(452.802.804)	-
Số dư cuối kỳ	-	452.802.804

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	166.128.519.587	751.286.630.974	9.492.085.216	26.903.016.544	953.810.252.321
Tăng trong kỳ	-	4.561.106.407	1.152.569.979	2.502.762.364	8.216.438.750
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	40.089.577.678	34.666.846.115	328.395.637	3.916.587.254	79.001.406.684
Phân loại lại	1.338.636.348	(1.338.636.348)	-	-	-
Thanh lý	-	(7.088.607.127)	-	(332.221.712)	(7.420.828.839)
Số dư cuối kỳ	207.556.733.613	782.087.340.021	10.973.050.832	32.990.144.450	1.033.607.268.916
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	84.220.851.007	324.486.314.971	4.410.760.956	10.565.332.392	423.683.259.326
Khấu hao trong kỳ	7.931.685.654	38.264.147.371	913.335.930	2.752.514.209	49.861.683.164
Phân loại lại	65.200.335	(65.200.335)	-	-	-
Thanh lý	-	(2.833.314.843)	-	(332.221.712)	(3.165.536.555)
Số dư cuối kỳ	92.217.736.996	359.851.947.164	5.324.096.886	12.985.624.889	470.379.405.935
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	81.907.668.580	426.800.316.003	5.081.324.260	16.337.684.152	530.126.992.995
Số dư cuối kỳ	115.338.996.617	422.235.392.857	5.648.953.946	20.004.519.561	563.227.862.981

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 113.813 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 107.368 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 281.769 triệu VND (30/6/2014: 434.373 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của nhóm Công ty.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí phát triển	Phần mềm vi tính	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	14.759.072.958	4.711.656.654	1.012.441.931	20.483.171.543
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	769.750.000	769.750.000
Số dư cuối kỳ	14.759.072.958	4.711.656.654	1.782.191.931	21.252.921.543
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	7.153.984.910	4.180.005.662	346.090.052	11.680.080.624
Khấu hao trong kỳ	751.930.285	110.949.069	196.537.142	1.059.416.496
Số dư cuối kỳ	7.905.915.195	4.290.954.731	542.627.194	12.739.497.120
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	7.605.088.048	531.650.992	666.351.879	8.803.090.919
Số dư cuối kỳ	6.853.157.763	420.701.923	1.239.564.737	8.513.424.423

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 có các tài sản với nguyên giá 3.635 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (30/6/2014: 2.663 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 1.002 triệu VND (30/6/2014: 6.107 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của nhóm Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	121.495.589.838	106.204.175.427
Tăng trong kỳ	87.427.435.576	47.234.048.649
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	4.309.116.363
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(79.001.406.684)	(35.963.306.420)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(769.750.000)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(288.444.181)
Số dư cuối kỳ	129.151.868.730	121.495.589.838

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang tại trụ sở chính	43.118.292.657	12.582.520.178
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ	23.512.406.107	23.512.218.727
Xây dựng cơ bản dở dang tại Thành Long	13.165.047.891	-
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trị An	7.705.677.957	15.580.147.284
Xây dựng cơ bản dở dang tại Tây Ninh	1.968.067.563	30.138.327.094
	129.151.868.730	121.495.589.838

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, nhóm Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co. Ltd để chuyển giao dự án này với giá trị chuyển giao là 2.026.740 USD. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 5.596 triệu VND (30/6/2014: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của nhóm Công ty.

*Cán bộ nhân viên
luôn là nội lực mạnh mẽ phát huy
thương hiệu Đường Biên Hòa.*



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2015				30/6/2014			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào công ty liên kết:								
• Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	720.000	24,00%	24,00%	7.133.049.000	720.000	24,00%	24,00%	7.129.929.336
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu của:								
• Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034	4.046.196	10,37%	10,37%	58.262.552.034
• Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	750.000	5,00%	5,00%	9.000.000.000	750.000	5,00%	5,00%	9.000.000.000
• Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350	400.920	0,66%	0,66%	4.792.591.350
• Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang	313.852	6,97%	6,97%	5.649.336.000	-	-	-	-
				77.704.479.384				72.055.143.384
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				(12.124.335.245)				(10.112.819.634)
				72.713.193.139				69.072.253.086

Biến động của đầu tư dài hạn vào công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	7.129.929.336	7.014.317.169
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	3.119.664	115.612.167
Số dư cuối kỳ	7.133.049.000	7.129.929.336

Biến động của đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu trong kỳ như sau:

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	72.055.143.384	61.020.063.384
Tăng trong kỳ	5.649.336.000	11.035.080.000
Số dư cuối kỳ	77.704.479.384	72.055.143.384

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	10.112.819.634	4.264.227.234
Tăng dự phòng trong kỳ	2.011.515.611	5.848.592.400
Số dư cuối kỳ	12.124.335.245	10.112.819.634

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	4.601.106.573	6.720.818.466
Tăng trong kỳ	1.425.273.756	792.688.505
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	288.444.181
Phân bổ trong kỳ	(4.152.969.728)	(3.092.696.482)
Số dư cuối kỳ	1.873.410.601	4.709.254.670

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	264.500.810	-
Chi phí phải trả	7.151.191.274	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.415.692.084	-
Phân loại trên bảng cân đối kế toán		
Tài sản dài hạn khác	7.415.692.084	-

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong kỳ

	30/6/2014 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh VND	30/6/2015 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	264.500.810	264.500.810
Chi phí phải trả	-	7.151.191.274	7.151.191.274
	-	7.415.692.084	7.415.692.084

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	21.813.192.278
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	9.270.606.719
Phân bổ trong kỳ	2.181.319.228
Số dư cuối kỳ	11.451.925.947
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	12.542.585.559
Số dư cuối kỳ	10.361.266.331



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Vay ngắn hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.131.301.799.032
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	36.378.969.415	47.420.976.571
	1.111.333.349.390	1.178.722.775.603



Đường Biên Hòa - Một trong các thương hiệu sản phẩm hàng đầu Việt Nam.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	257.484.978.534	177.396.807.072
Khoản vay 2 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	USD	132.722.964.000	-
Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Thương mại Chinatrust – Chi nhánh TP. HCM (b)	VND	43.853.711.674	82.950.000.000
Khoản vay 4 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. HCM (c)	VND	34.081.070.000	170.979.040.000
Khoản vay 5 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. HCM (d)	USD	56.453.760.000	53.813.591.460
Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	51.737.418.415	133.333.722.670
Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 (f)	VND	292.095.480.743	119.921.509.735
Khoản vay 8 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (g)	VND	57.935.351.615	59.604.861.306
Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh TP. HCM (h)	VND	86.346.113.344	99.939.163.888
Khoản vay 10 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh TP. HCM (i)	VND	45.000.000.000	-
Khoản vay 11 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (i)	VND	17.243.531.650	-
Khoản vay 12 từ Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC (Việt Nam) – Chi nhánh TP. HCM	VND	-	62.375.485.000
Khoản vay 13 từ Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. HCM	USD	-	53.083.901.975
Khoản vay 14 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận	VND	-	45.120.315.120
Khoản vay 15 từ Ngân hàng TNHH Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh TP. HCM	VND	-	38.859.433.072
Khoản vay 16 từ Ngân hàng Natixis – Chi nhánh TP. HCM	VND	-	33.923.967.734
		1.074.954.379.975	1.131.301.799.032

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt từ 5,23% đến 6,0% (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 4,5% đến 7,65%) và 2,5% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 2,25% đến 3%).

(a) Các khoản vay này có hạn mức tối đa là 500.000 triệu VND (30/6/2014: 300.000 triệu VND). Các khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long và máy móc với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt là 1.002 triệu VND và 372 triệu VND (30/6/2014: lần lượt là 1.157 triệu VND, 1.295 triệu VND và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ 200.000 triệu VND).

(b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 65.340 triệu VND hoặc 3 triệu USD (30/6/2014: 95.702 triệu VND hoặc 4,5 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 98.010 triệu VND (30/6/2014: 140.946 triệu VND).

(c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 261.360 triệu VND hoặc 12 triệu

USD (30/6/2014: 253.000 triệu VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 163.350 triệu VND (30/6/2014: 191.403 triệu VND).

(d) Khoản vay này có hạn mức tối đa chung với hạn mức của khoản vay (c) là 261.360 triệu VND hoặc 12 triệu USD (30/6/2014: 253.000 triệu VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 163.350 triệu VND (30/06/2014: 191.403 triệu VND).

(e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (30/6/2014: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND).

(f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300.000 triệu VND (30/6/2014: 300.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và khoản phải thu Vinamilk với giá trị ghi sổ lần lượt là 150.000 triệu VND

và 30.825 triệu VND (30/6/2014: hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 119.922 triệu VND). Ngoài ra các quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết với Vinamilk trước ngày 30 tháng 6 năm 2015 mà vẫn còn hiệu lực thi hành và các hợp đồng kinh tế sẽ ký kết với Vinamilk cho tới ngày đáo hạn của khoản vay này, cũng được dùng để thế chấp cho khoản vay này.

(g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (30/6/2014: 60.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.

(h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (30/6/2014: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được ngân hàng cho vay tín chấp.

(i) Các khoản vay này có hạn mức tối đa là 108.900 triệu VND hoặc 5 triệu USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 50.000 triệu VND.

17. Phải trả người bán

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải trả các cổ đông	1.463.387.918	19.406.030
Phải trả các công ty liên quan khác	69.305.221.681	26.595.000

Khoản phải trả thương mại đối với các cổ đông và các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 7 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Người mua trả tiền trước

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trả trước từ các công ty liên quan khác	370.913.853	359.941.853

Khoản trả trước từ các công ty liên quan khác không được đảm bảo và không chịu lãi.

19. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.355.823.485	6.974.812.410
Thuế giá trị gia tăng	4.737.628.779	86.432.042
Thuế tiêu thụ đặc biệt	32.414	305.845.870
Các loại thuế khác	145.582.954	169.089.864
	20.239.067.632	7.536.180.186

20. Chi phí phải trả

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trích trước chi phí nhập đường	61.849.665.630	-
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.732.856.537	-
Chi phí vận chuyển	257.600.000	-
Chi phí lãi vay	1.352.989.796	1.705.360.065
Chiết khấu bán hàng và khuyến mãi	4.492.793.057	1.966.863.130
Chi phí khác	5.721.497.295	1.379.697.547
	83.407.402.315	5.051.920.742

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	-
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	3.300.610.989
Cổ tức phải trả	1.745.210.200	33.158.099.700
Chi phí lương và công tác phí cho hệ thống phân phối	1.073.913.713	-
Khoản vay từ Công đoàn	-	13.906.050.812
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	298.078.406	407.753.134
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	911.977.763	702.385.831
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	692.750.000	135.350.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.503.493.379	2.366.401.296
	46.315.522.659	53.976.651.762

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển giao dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 11).

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Số dư đầu kỳ	6.139.733.966	9.366.463.232
Tăng trong kỳ	5.318.202.499	4.668.590.197
Sử dụng quỹ trong kỳ	(5.462.061.374)	(7.895.319.463)
Số dư cuối kỳ	5.995.875.091	6.139.733.966

23. Vay dài hạn

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Vay dài hạn	103.420.129.194	121.271.931.504
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 16)	(36.378.969.415)	(47.420.976.571)
Hoàn trả sau mười hai tháng	67.041.159.779	73.850.954.933

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	2018	14.718.029.289	18.397.536.611
Khoản vay 2 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (b)	VND	2020	9.255.969.000	11.268.939.800
Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	VND	2015	2.400.000.000	11.800.000.000
Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	2015	849.825.000	4.249.825.000
Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	2017	18.182.701.572	26.264.701.572
Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (f)	VND	2018	4.803.185.030	6.555.185.030
Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (g)	VND	2018	8.594.120.640	-
Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (h)	VND	2018	7.775.298.684	-
Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (i)	VND	2015	3.645.442.356	10.756.877.988
Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai (j)	VND	2018	18.766.836.907	26.035.465.503
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (k)	VND	2021	14.428.720.716	-
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	2014	-	5.943.400.000
			103.420.129.194	121.271.931.504

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 10,0% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 3,9% đến 12,9%).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 51.513 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 4 kỳ hàng năm bằng nhau, mỗi kỳ trả 3.680 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 20 tháng 9 năm 2018.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30.195 triệu VND và được ngân hàng cho vay tín chấp. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.006 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 198 triệu VND vào ngày 15 tháng 4 năm 2020.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Biên Hòa với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 19.079 triệu VND (30/6/2014: 22.690 triệu VND) và nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và dụng cụ văn phòng tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 66.026 triệu VND (30/6/2014: 74.713 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả vào ngày 22 tháng 9 năm 2015.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 7.700 triệu VND và được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 8.034 triệu VND (30/6/2014: 10.390 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả vào ngày 21 tháng 9 năm 2015.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40.000 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc tại nhà máy Tây Ninh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 109.056 triệu VND (30/6/2014: 114.810 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 8 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 2.021 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 2.019 triệu VND vào ngày 8 tháng 8 năm 2017.
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 24.000 triệu VND và cùng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay (e) trên từ ngân hàng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 2014. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 11 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 437 triệu VND. Lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả vào ngày 26 tháng 3 năm 2018.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.708 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9.922 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 13 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 614 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 612 triệu VND vào ngày 22 tháng 10 năm 2018.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.236 triệu VND và được đảm bảo bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 1.887 triệu VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 2.740 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2015. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 12 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 640 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 95 triệu VND vào ngày 5 tháng 9 năm 2018.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 32.000 triệu VND và được đảm bảo bằng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc, thiết bị văn phòng và phương tiện vận chuyển với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 67.393 triệu VND (30/6/2014: 73.206 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6

năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 2 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.778 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 89 triệu VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 48.212 triệu VND và cũng được đảm bảo bằng tài sản thế chấp cho khoản vay (i) trên từ ngân hàng này (30/6/2014: máy móc

và thiết bị tại nhà máy Trĩ An với giá trị còn lại là 92.692 triệu VND). Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 10 kỳ hàng quý bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.817 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 596 triệu VND vào ngày 31 tháng 01 năm 2018.

- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 26.000 triệu VND và được đảm

bảo bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.857 triệu VND. Số dư nợ gốc tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ được hoàn trả trong 13 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.034 triệu VND và lần hoàn trả cuối cùng sẽ trả 980 triệu VND vào ngày 8 tháng 12 năm 2021.



Đầu tư hệ thống máy móc hiện đại, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-
Cổ tức	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-
Số dư tại ngày 01 tháng 7 năm 2014	629.949.180.000	39.817.240.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-
Trích tiền thưởng vượt kế hoạch	-	-
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	629.949.180.000	39.817.240.000

Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
105.138.664.571	31.036.946.843	38.916.396.897	844.858.428.311
-	-	45.479.641.939	45.479.641.939
-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
-	-	(4.668.590.197)	(4.668.590.197)
1.945.245.915	1.945.245.915	(3.890.491.830)	-
107.083.910.486	32.982.192.758	44.339.497.809	854.172.021.053
-	-	98.951.998.280	98.951.998.280
-	-	(31.497.459.000)	(31.497.459.000)
-	-	(5.318.202.499)	(5.318.202.499)
2.215.917.708	2.215.917.708	(4.431.835.416)	-
-	-	(2.616.781.959)	(2.616.781.959)
109.299.828.194	35.198.110.466	99.427.217.215	913.691.575.875

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2015		30/6/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của nhóm Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Hội đồng quản trị của Công ty vào ngày 22 tháng 11 năm 2014 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu cho cổ tức của giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 31.497 triệu VND).

27. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm đối phó với những rủi ro kinh doanh chung của nhóm Công ty trong tương lai.

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng doanh thu		
Bán hàng	2.978.910.667.308	1.258.654.047.960
Cung cấp dịch vụ	9.982.278.334	4.889.019.461
	2.988.892.945.642	1.263.543.067.421
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(5.243.282.561)	(3.894.162.289)
Hàng bán bị trả lại	(7.410.310.569)	(154.410.277)
Giảm giá hàng bán	(1.303.745.142)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(123.862.468)	(1.029.408.139)
	(14.081.200.740)	(5.077.980.705)
Doanh thu thuần	2.974.811.744.902	1.258.465.086.716

29. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
• Hàng hóa đã bán	2.624.307.030.096	1.080.221.818.204
• Dịch vụ đã cung cấp	2.997.113.331	2.226.422.767
• Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	452.802.804
	2.627.304.143.427	1.082.901.043.775

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	411.023.644	697.418.447
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	17.531.327.352	9.591.772.595
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các công ty khác vay	19.018.959.713	18.618.824.843
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	5.717.951.690	2.734.761.500
Thu nhập cổ tức	2.223.558.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	2.961.042.476	481.748.625
	47.863.862.875	32.124.526.010

31. Chi phí tài chính

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí lãi vay	67.197.422.177	45.141.207.971
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.011.515.611	5.848.592.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện	4.799.161.782	1.593.589.731
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	880.799.429	131.939.929
Chi phí tài chính khác	20.750.000	187.774.650
	74.909.648.999	52.903.104.681

32. Thu nhập khác

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	4.784.965.410	1.229.045.456
Hoàn thuế bảo vệ môi trường	2.477.800.000	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	123.553.051	-
Thu nhập khác	893.768.480	652.331.758
	8.280.086.941	1.881.377.214

33. Chi phí khác

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	4.255.292.284	397.411.944
Chi phí khác	647.370.000	542.500.000
	4.902.662.284	939.911.944

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	35.229.077.605	13.002.992.208
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(7.415.692.084)	305.624.415
Chi phí thuế thu nhập	27.813.385.521	13.308.616.623

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	126.765.383.801	58.788.258.562
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	27.888.384.436	12.933.416.884
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(13.525.915)	(32.041.814)
Chi phí không được khấu trừ thuế	427.709.760	407.241.553
Thu nhập không chịu thuế	(489.182.760)	-
	27.813.385.521	13.308.616.623

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Theo các điều khoản trong Luật Thuế thu nhập, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này sẽ giảm xuống còn 20% từ năm 2016 trở đi.

(ii) Công ty TNHH Một Thành viên Hải Vi

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo quy định của thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 98.951.998.280 VND (giai đoạn sáu tháng kể thúc ngày 30/6/2014: 45.479.641.939 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 62.994.918 (giai đoạn sáu tháng kể thúc ngày 30/6/2014: 62.994.918), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ thuộc về cổ đông phổ thông	98.951.998.280	45.479.641.939

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	62.994.918	62.994.918

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà nhóm Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà nhóm Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình nhóm Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của nhóm Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản

lý rủi ro của nhóm Công ty như thế nào, và xem xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà nhóm Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của nhóm Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của nhóm Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà nhóm Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính

sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của nhóm Công ty. Nhóm Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của nhóm Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, các khoản trả trước cho nông dân trồng mía và các khoản đầu tư vào công cụ nợ.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền	(*)	38.819.582.028	70.614.395.153
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	(*)	5.000.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – cho vay	(**)	77.921.461.456	31.052.571.428
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(***)	406.610.446.088	269.250.668.012
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	(****)	105.094.712.852	189.368.604.039
		633.446.202.424	560.286.238.632

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của nhóm Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho nhóm Công ty.

() Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn – cho vay**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản cho khách hàng và nhà cung cấp vay. Nhóm Công ty có thể chịu rủi ro tín dụng nếu khách hàng và nhà cung cấp không có khả năng trả nợ. Ban Tổng Giám đốc liên tục giám sát tình hình tài chính của

khách hàng và nhà cung cấp nhằm hạn chế rủi ro tín dụng này.

Nhóm Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn nào cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn này.

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của nhóm Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của nhóm Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi nhóm Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Ngoài ra, khách hàng

cần phải ứng tiền trước đối với tất cả các yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đảo hạn trong vòng 45 đến 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 45 đến 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm.

Phải thu khách hàng và phải thu khác chủ yếu từ các Công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với nhóm Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, nhóm Công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trong hạn	383.053.680.363	205.283.994.467
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	18.598.506.517	59.570.545.709
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	4.306.939.492	4.129.459.125
Quá hạn trên 180 ngày	2.028.800.106	1.438.708.041
	407.987.926.478	270.422.707.342

(**) Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của nhóm Công ty liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng hộ nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của nhóm Công ty đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ hộ nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin

cậy của khả năng thu hồi trước khi nhóm Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho hộ nông dân đó. Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân. Hơn nữa, hộ nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho nhóm Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được

thống nhất giữa nông dân và nhóm Công ty. Hộ nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa vào lịch sử vi phạm về việc trả nợ, nhóm Công ty tin rằng, ngoại trừ các khoản dự phòng đã lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Tuổi nợ của các khoản trả trước cho nông dân trồng mía như sau:

	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Trong hạn	108.097.101.699	190.095.903.671
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	461.893.921
Quá hạn trên 180 ngày	8.667.293.050	7.494.497.706
	116.764.394.749	198.052.295.298

Biến động trong kỳ của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Từ 01/7/2014	Từ 01/01/2014
	đến 30/6/2015	đến 30/6/2014
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.855.730.589	6.564.925.436
Tăng dự phòng trong kỳ	3.827.377.583	3.531.537.138
Hoàn nhập	(589.644.924)	(240.731.985)
Sử dụng dự phòng	(46.300.961)	-
Số dư cuối kỳ	13.047.162.287	9.855.730.589

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó nhóm Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của nhóm Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng nhóm Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của nhóm Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.090.533.651.990
Phải trả người bán	111.841.437.258	111.841.437.258
Phải trả người lao động	21.615.193.302	21.615.193.302
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	46.315.522.659	46.315.522.659
Chi phí phải trả	83.407.402.315	83.407.402.315
Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn	103.420.129.194	118.051.819.621
Nợ dài hạn khác	532.640.000	532.640.000
	1.442.086.704.703	1.472.297.667.145

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng
	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngắn hạn	1.131.301.799.032	1.149.596.656.454
Phải trả người bán	89.379.353.266	89.379.353.266
Phải trả người lao động	23.146.291.584	23.146.291.584
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	53.976.651.762	55.019.605.573
Chi phí phải trả	5.051.920.742	5.051.920.742
Vay và nợ dài hạn		
Vay dài hạn	121.271.931.504	139.900.811.807
Nợ dài hạn khác	1.555.540.000	1.555.540.000
	1.425.683.487.890	1.463.650.179.426

Nhóm công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
VND	VND	VND	VND
1.090.533.651.990	-	-	-
111.841.437.258	-	-	-
21.615.193.302	-	-	-
46.315.522.659	-	-	-
83.407.402.315	-	-	-
43.527.763.326	33.808.617.398	36.269.300.052	4.446.138.845
-	532.640.000	-	-
1.397.240.970.850	34.341.257.398	36.269.300.052	4.446.138.845

Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Hơn 5 năm
VND	VND	VND	VND
1.149.596.656.454	-	-	-
89.379.353.266	-	-	-
23.146.291.584	-	-	-
55.019.605.573	-	-	-
5.051.920.742	-	-	-
57.032.862.204	36.190.797.206	45.451.800.300	1.225.352.097
-	1.555.540.000	-	-
1.379.226.689.823	37.746.337.206	45.451.800.300	1.225.352.097

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của nhóm Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà nhóm Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới

hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của nhóm Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là đô la Mỹ (USD),

Euro (EUR) và đô la Úc (AUD).

Rủi ro tỷ giá hối đoái của nhóm Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Nhóm Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	30/6/2015		30/6/2014		
	USD	EUR	USD	EUR	AUD
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.628	250	174.314	250	-
Phải thu khách hàng	106.503	-	-	-	-
Phải trả người bán	(199.374)	-	(2.532.531)	(505)	(2.650)
Vay ngắn hạn	(8.685.800)	-	(5.026.449)	-	-
Chi phí phải trả	(3.447)	-	-	-	-
	(8.779.490)	250	(7.384.666)	(255)	(2.650)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được nhóm Công ty áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
1 USD	21.780	21.267
1 EUR	25.532	28.882
1 AUD	16.592	19.887

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của nhóm Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 2014. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần sau thuế	
VND	
30/6/2015	
USD (mạnh thêm 2%)	(2.982.989.758)
EUR (yếu đi 12%)	(597.449)
30/6/2014	
USD (mạnh thêm 1%)	(1.224.987.596)
EUR (mạnh thêm 0,3%)	(17.234)
AUD (mạnh thêm 7%)	(2.877.450)

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của nhóm Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	29.200.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	82.921.461.456	31.052.571.428
Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	116.764.394.749	189.368.604.039
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	-	(13.906.050.812)
Vay dài hạn (*)	(32.568.118.929)	(35.609.876.411)
	196.317.737.276	170.905.248.244
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển	9.619.582.028	70.614.395.153
Vay ngắn hạn	(1.074.954.379.975)	(1.131.301.799.032)
Vay dài hạn	(70.852.010.265)	(85.662.055.093)
	(1.136.186.808.212)	(1.146.349.458.972)

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Vay dài hạn có lãi suất cố định từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh và từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

Nhóm Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất. Việc tăng 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm 8.862 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế của nhóm Công ty (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2014: 8.942 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2015	30/6/2014
	VND	VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	38.819.582.028	70.614.395.153
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	82.921.461.456	31.052.571.428
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	406.610.446.088	269.250.668.012
- Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía	105.094.712.852	189.368.604.039
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	65.580.144.139	61.942.323.750
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	158.156.959.917	143.356.005.028
- Nợ phải trả ngắn hạn khác	105.022.595.617	28.198.212.326
- Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.131.301.799.032
- Vay dài hạn	103.420.129.194	121.271.931.504
- Nợ phải trả dài hạn khác	532.640.000	1.555.540.000

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho các đơn vị khác, phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía, phải trả người bán và phải trả khác, vay và nợ ngắn hạn khác.

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

Đầu tư chứng khoán dài hạn, trả trước dài hạn cho nông dân trồng mía, vay dài hạn và nợ phải trả dài hạn khác.

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các công cụ tài chính này; và (ii) các chuẩn mực kế toán Việt Nam

và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2014 VND
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	162.681.345.520	141.945.195.908
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	18.020.689.765	17.412.946.044
Xây dựng cơ bản dở dang đã phát sinh nhưng chưa thanh toán	13.229.845.304	-



Áp dụng quy trình sản xuất tiên tiến.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong kỳ nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	168.349.548.295	59.068.058.365
Mua hàng hóa, dịch vụ	6.781.116.600	12.786.360.168
Cho vay	271.000.000.000	196.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	15.829.830.351	7.796.233.176
Vay	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	292.850.000	-
Mua cổ phiếu	6.183.836.000	-
Phân phối cổ tức	9.194.986.000	-
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	79.048.383.436	22.788.415.714
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.649.137.245	848.861.686
Phân phối cổ tức	13.630.296.000	-
Tổng công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một Thành viên		
Phân phối cổ tức	7.734.143.000	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Phân phối cổ tức	5.278.600.000	-
Cho vay	-	42.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	982.822.223
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên		
Mua hàng hóa, dịch vụ	13.113.339.984	9.203.317.029
Phân phối cổ tức	2.193.590.000	-
Mua cổ phiếu	4.891.470.000	-
Bán hàng hóa	547.619	-

	Giá trị giao dịch	
	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Mua đường nguyên liệu và dịch vụ	119.739.725.962	99.805.356.035
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	1.591.101.533	2.897.515.629
Bán thành phẩm và dịch vụ	13.655.673.321	3.573.720.789
Thu từ thanh lý tài sản cố định	136.363.636	318.181.818
Trao đổi đường	-	5.855.391.410
Phí vận chuyển	-	22.779.545
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	4.688.381	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	683.324.681	492.571.000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	324.846.363	-
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa		
Bán hàng hóa	16.064.996	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	298.000.000	240.000.000
Mua hàng hóa	622.895.650.999	70.766.191.572
Thu lãi cổ tức	200.460.000	-
Phân phối cổ tức	116.648.000	-
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	431.027.777	862.298.492
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang		
Bán hàng hóa	340.983.357	16.142.217
Mua hàng hóa, dịch vụ	132.604.740.182	212.377.879.839
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	2.036.454.571	3.339.130.960
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.303.169.354	450.000.000
Tiền lương và thưởng	6.600.743.811	2.562.476.483

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Cam kết

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	29.997.550.430	263.920.658.510

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2015 VND	30/6/2014 VND
Trong vòng một năm	3.379.433.437	3.591.197.940
Trong vòng hai đến năm năm	8.783.553.080	8.284.645.022
Sau năm năm	58.041.847.761	59.868.519.389
	70.204.834.278	71.744.362.351

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/7/2014 đến 30/6/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.424.091.358.344	1.359.120.664.902
Chi phí nhân công và nhân viên	149.175.162.899	89.951.856.166
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.102.418.888	23.575.700.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.176.355.963	45.794.206.832
Chi phí khác	79.867.006.479	46.173.529.521

Ngày 18 tháng 9 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hoa
Chủ tịch

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Tel: (+84) 61 3836 199

Fax: (+84) 61 3836 213

Email: bhs@bhs.vn

Website: www.bhs.vn